

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Như vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, chúng có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành sản xuất hoặc thu mua tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu của mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng, được sự giúp đỡ của Ban giám đốc, các cán bộ trong phòng Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của cô giáo thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng"**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung gồm 3 chương:

Chương I: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên chuyên đề chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn chuyên đề của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Các khái niệm cơ bản.

1.1.1.1 Doanh thu

Doanh thu bán hàng là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài (nếu có).

Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

1.1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

- ♦ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách đã mua trong khoảng thời gian nhất định tùy thuộc và chính sách chiết khấu của bên bán.

- ♦ Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng, hàng không đúng mẫu mã, chủng loại, hàng kém chất lượng ... Khi doanh

ng nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm giá vốn hàng bán tương ứng trong kỳ.

- ♦ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn ... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- ♦ Thuế tiêu thu đặc biệt là thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng không được Nhà nước khuyến khích như sản xuất: rượu, thuốc lá, vàng mã, ...

- ♦ Thuế xuất khẩu: là thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- ♦ Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên phần giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ.

Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

1.1.1.3 Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- ♦ Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc là giá thành lao vụ, dịch vụ hoàn thành được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

- ♦ Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, khấu hao tài sản cố định phục vụ bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- ♦ Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh và một số khoản khác có tính chất chung của toàn

doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định phục vụ cho công việc quản lý, các khoản thuế, phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

1.1.1.4 Doanh thu tài chính và chi phí tài chính

♦ Doanh thu hoạt động tài chính là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán như:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

♦ Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay, và các chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ;
- Các chi phí khác.

1.1.1.5 Thu nhập khác, chi phí khác

♦ Thu nhập khác là các khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện được, hoặc là các khoản thu không mang tính chất thường xuyên. Nội dung thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu từ tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay thu hồi được;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

♦ Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là do những khoản chi phí bị sót từ những năm trước.

Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các chi phí khác.

1.1.1.6 Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chi tiêu lỗ lãi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và

dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính .

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2 Sự cần thiết và ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà mọi doanh nghiệp luôn quan tâm nhất là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí). Do đó doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, sản phẩm nào đạt hiệu quả cao đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra những quyết định đầu tư, giải pháp chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Bởi doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để tổ chức công tác kế toán thật hợp lý, phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp

Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải mọi chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn thu để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, là nguồn để tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác ...

Đồng thời các doanh nghiệp cần phải luôn quan tâm tới việc quản lý chi phí. Nếu chi phí không hợp lý, không đúng bản chất sẽ gây ra khó khăn trong việc hạch toán và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra chi các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc tổ chức kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, cơ quan thuế ... để lựa chọn phương án kinh doanh hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách chế độ, chính sách thuế.

1.1.3 Nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ gây khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời và thực hiện phân loại doanh thu, chi phí theo đúng nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định.
- Tổ chức kế toán chứng từ, tài khoản doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn bán hàng đúng để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý, phân bổ chi phí hợp lý.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu, các khoản chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản thuế phải nộp Nhà nước, đảm bảo

cung cấp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho nhà quản trị kịp thời, chính xác.

- Cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin liên quan. Định kỳ tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối lợi nhuận từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp gia tăng lợi nhuận.

1.2 Nội dung tổ chức hoạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Việc ghi nhận doanh thu, chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

1.2.1.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố ngày 31/12/2001QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm và hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng.*

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua

đã nhận đủ hàng và ký nhận vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức đại lý: doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi tại các quầy hàng, cửa hàng ... nhờ bán hộ. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng chính thức được coi là tiêu thụ, doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: theo tiêu thức này, doanh thu được ghi nhận một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm trả góp.

❖ *Thời điểm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ phải thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ hoạt động cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.1.3 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên có

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 chi tiết thành 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên có

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

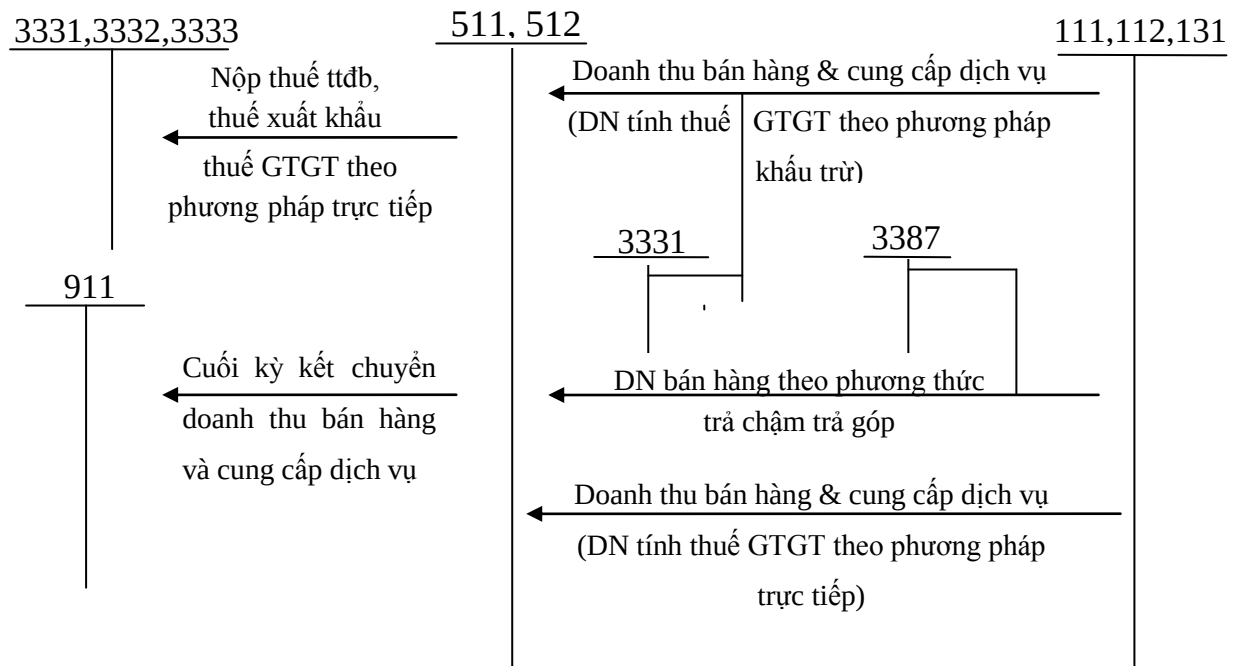
- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, giấy báo nợ .
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng quy định của doanh nghiệp.
- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp

khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phải phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như: bán hàng (sản phẩm, hàng hóa), cung cấp dịch vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ Bên có

Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”

Tài khoản này phản ánh giá trị số hàng bán bị trả lại tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn.

Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hóa và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

✓ *Bên có*

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”**

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất, ...

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ*

Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ *Bên có*

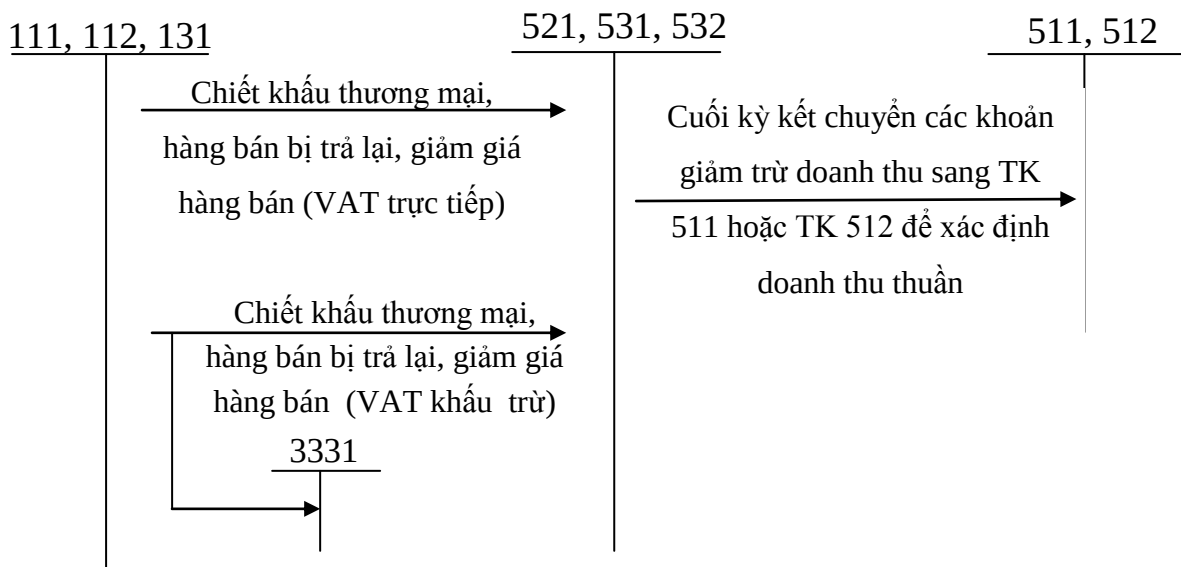
Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1 Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

❖ *Phương pháp giá đơn vị bình quân*

Theo phương pháp này, giá vật liệu xuất dùng trong kỳ được tính theo giá bình quân (bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập).

$$\text{Giá trị thực tế vật liệu xuất dùng} = \text{Số lượng vật liệu xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ + nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế vật liệu tồn đầu kỳ + nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ này mặc dù đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công việc quyết toán chung.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, số vật liệu nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế vật liệu mua trước sẽ được dùng làm giá cho vật liệu xuất trước. Do vậy, giá vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá vật liệu mua vào sau cùng

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

Phương pháp này định giá vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, vật liệu được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô, giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất vật liệu nào sẽ tính giá thực tế của vật liệu đó.

Do vậy, phương pháp này còn có tên gọi là phương pháp đặc điểm riêng và thường được sử dụng với vật liệu có giá trị cao, có tính tách biệt.

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng**Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, ...

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

✓ Bên nợ

- Giá vốn hàng đã bán
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ kho phân bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên có

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn hàng đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

✓ Bên nợ

- Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

✓ *Bên có*

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

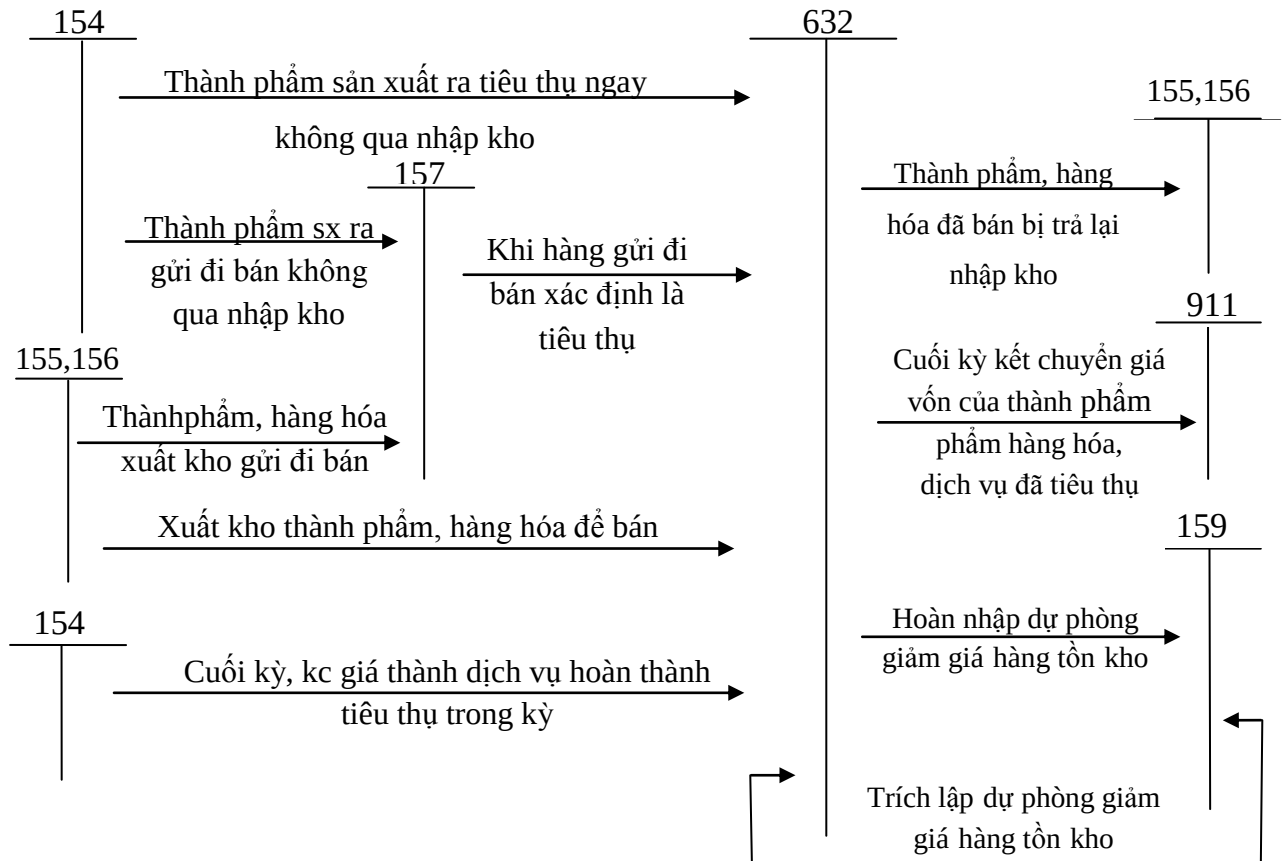
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán

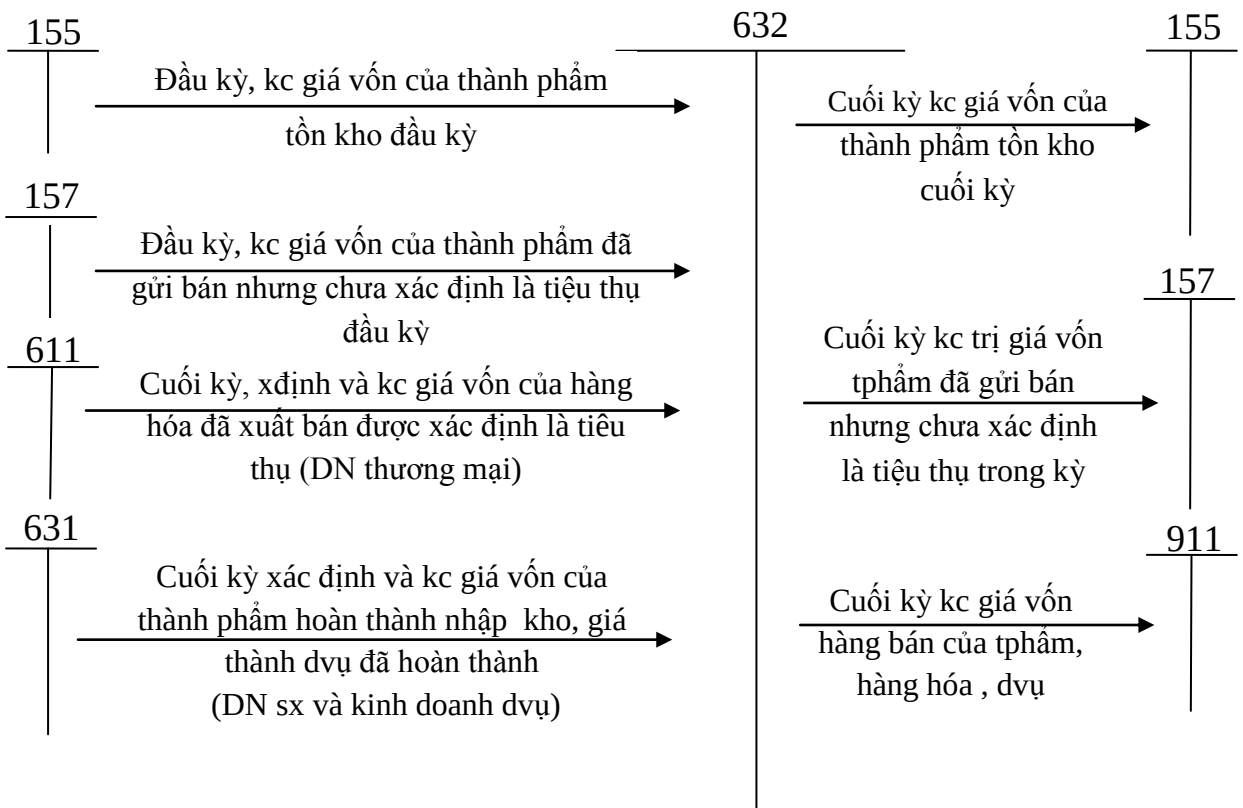
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ 1.3

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

✓ *Bên có*

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.

- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✓ *Bên có*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 chi tiết thành 8 tài khoản cấp 2:

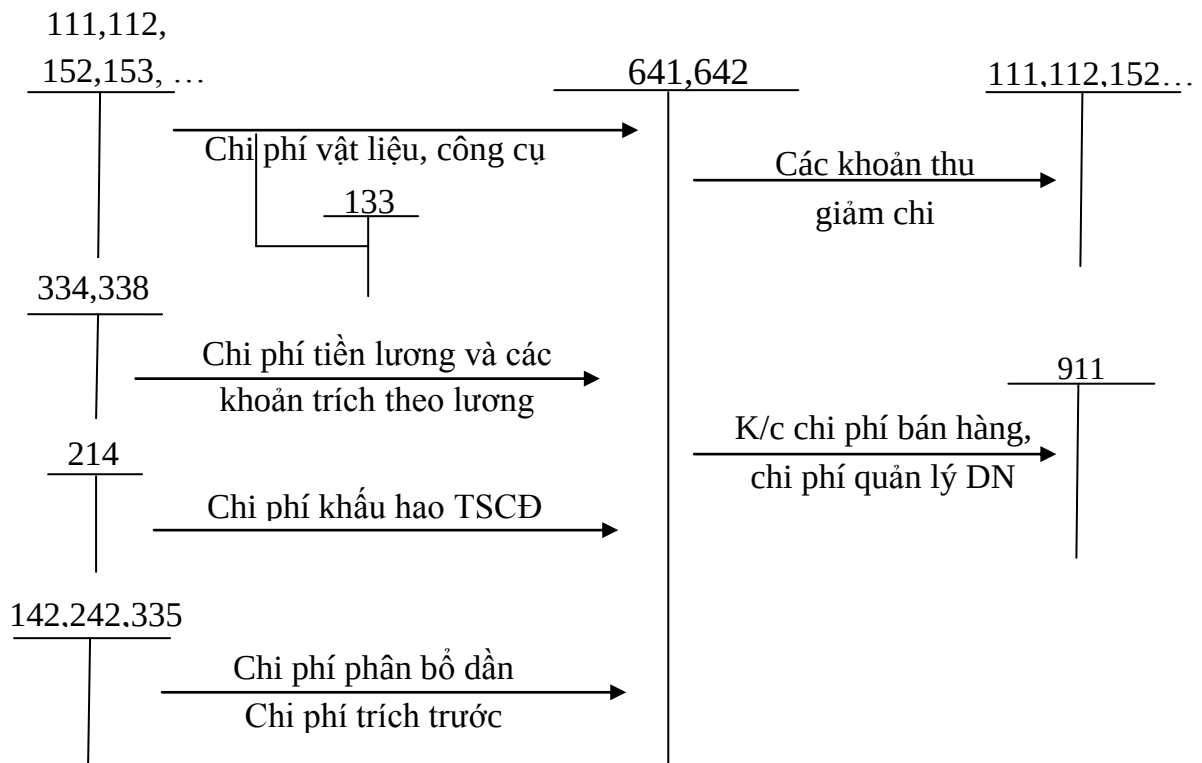
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, Giấy báo có.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên Nợ

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh sau khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính”

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên Nợ

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;

- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ *Bên Có*

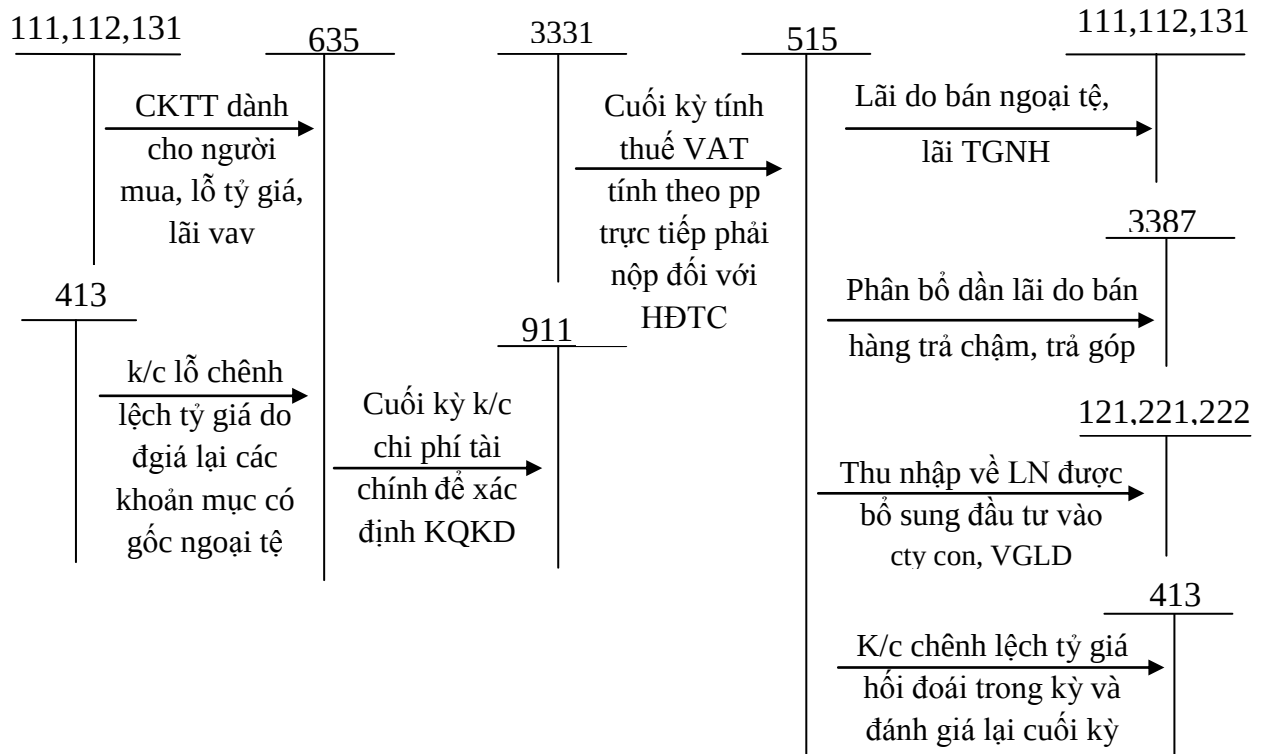
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính
và chi phí hoạt động tài chính**



1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ *Bên nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ *Bên Có*

- Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;
- Nợ khó đòi đã xóa sổ nay thu hồi được;
- Các khoản nợ không ai đòi ghi tăng thu nhập;
- Các khoản thu nhập của năm trước bị bỏ sót, hay quên ghi sổ năm nay phát hiện ra
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 811 “Chi phí khác”**

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên Nợ*

- Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, truy thu thuế;
- Các chi phí liên quan đến xử lý thiệt hại trong trường hợp đã mua bảo hiểm;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán, lãi tiền vay quá hạn vượt khung; số tiền ký quỹ bị phạt;
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

✓ *Bên Có*

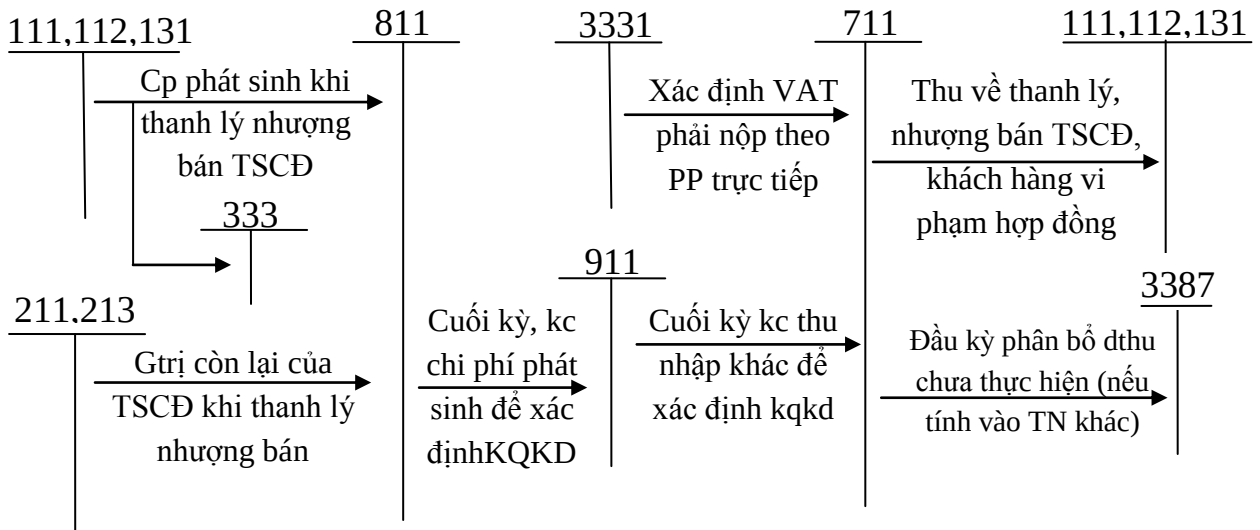
Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.7 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm: thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên Nợ

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- chi phí thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

✓ Bên Có

- Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh do giảm số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số quyết toán thuế TNDN năm;
- Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do sai sót phát hiện không trọng yếu của năm trước;
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 chi tiết thành:

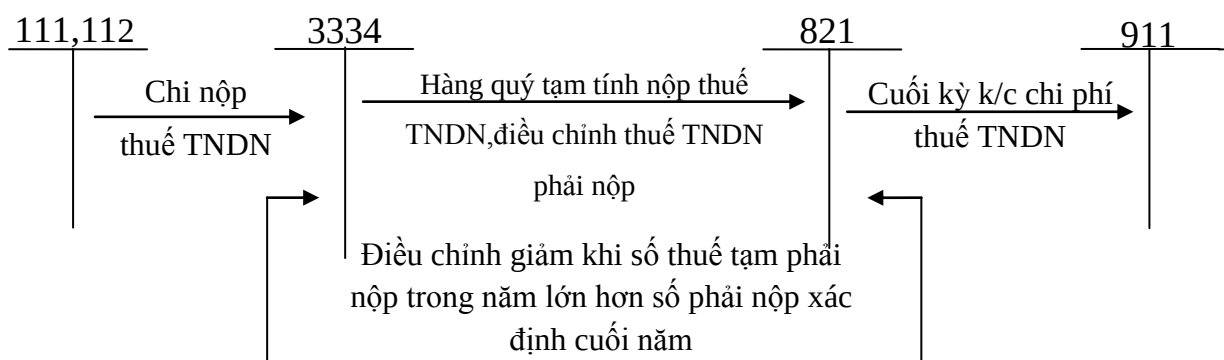
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.2.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính ...) Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác kết chuyển vào tài khoản này phải là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

✓ *Bên Nợ*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

Kết chuyển lãi.

✓ *Bên Có*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp;

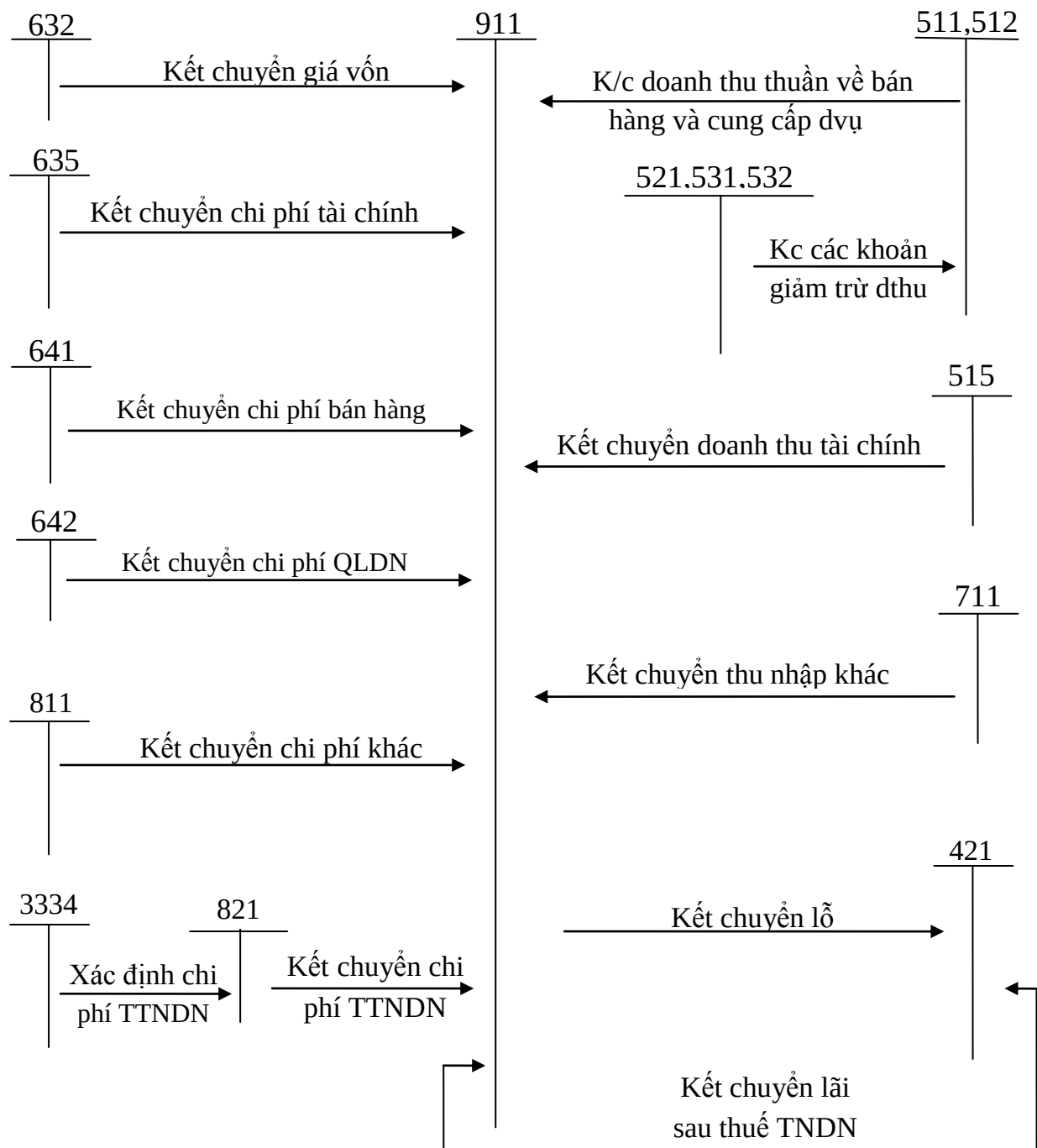
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.8.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

Công ty CP công nghiệp điện được thành lập theo luật Doanh nghiệp, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 6/6/2003, thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 04 năm 2005, thay đổi lần 2 ngày 05 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 7 năm 2006 và thay đổi lần 4 ngày 31 tháng 10 năm 2007 với số đăng ký kinh doanh 0203000476.

Tên giao dịch: Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng.

Haiphong Electrical Industrial Joint Stock company

Tên viết tắt : HEIJCO

Mã số thuế: 0200547512.

Địa chỉ: Số 3 Km92 đường 5 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3538597

Fax: 031.3538766.

Năm 2003 công ty thành lập có 11 cán bộ công nhân viên với ngành nghề chủ yếu là: kinh doanh vật tư thiết bị điện dân dụng và công nghiệp, kinh doanh máy móc công cụ, kinh doanh van ống, sơn, phế liệu, tư vấn lắp đặt công trình điện công nghiệp, dân dụng. Cũng trong thời gian này từ năm 2004 công ty mạnh dạn nhượng tài sản gắn liền trên đất có diện tích 4.000m² để đầu tư xây dựng:

- + Xưởng cơ khí chuyên gia công các bảng tủ bảng điện.
- + Xưởng sơn tĩnh điện: chuyên sơn các tủ bảng điện bằng công nghệ sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại.

+ Xưởng lắp ráp các thiết bị: Lắp ráp các tủ bảng điện cho các tàu đóng mới.

Đồng thời công ty đầu tư máy móc các xưởng: xưởng cơ khí, xưởng sơn, dây truyền sơn tĩnh điện. Song song vấn đề đầu tư xây dựng các nhà xưởng, trang bị các máy móc và thiết bị, Công ty tuyển công nhân có trình độ đại học, cao đẳng và công nhân có tay nghề, để đáp ứng cho công việc sản xuất của công ty. Công ty luôn làm việc với khẩu hiệu “ *Kỹ thuật và giá cả là sự sống còn của công ty*”.

Bởi vậy trong 05 năm công ty đã đạt được nhiều thành tích trong sản xuất và kinh doanh: doanh thu năm sau cao hơn năm trước, mức lương bình quân những cho năm sau luôn cao hơn năm trước, đóng góp vào NSNN luôn tăng.

Hiện nay tổng số CBCNV công ty là: 225 người, trong đó có 35 công nhân viên nữ. Trong đó có:

- 02 Cán bộ có trình độ: Thạc sỹ
- 58 Cán bộ & nhân viên có trình độ : kỹ sư và cử nhân kinh tế
- 165 Nhân viên và công nhân có trình độ: trung cấp và học nghề.

Công ty đã hình thành các phòng ban và các đơn vị sản xuất hoạt động theo tiêu chuẩn ISO.

Công ty đã tham gia thi công lắp đặt hàng trăm chiếc tàu thủy đóng mới có trọng tải từ 1.000 tấn đến 13.500 tấn, được đăng kiểm và các chủ tàu đánh giá cao về chất lượng. Hiện nay những con tàu đó vẫn hoạt động tốt. Đó là những chiếc tàu: Phương Nam Star, HODACO 09, Vichitory 08, Vichitory 09, Thuận nghĩa 36, Hoang Sơn Star, Hoàng Anh 36, v v...

Hàng năm công ty tham gia các hội chợ triển lãm, các sản phẩm của công ty luôn được đánh giá cao và đặt biệt ở hội chợ Vietship Expor 2005 sản phẩm Tủ bảng điện lắp cho các tàu thủy đóng mới và Chuông truyền lệnh đã đạt huy chương vàng “*Hàng Việt nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn*”.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên của công ty nắm bắt được những kiến thức mới. Hàng năm công ty mở các lớp ngoại khoá cho cán bộ công nhân viên của công ty theo các chuyên đề. Công ty đã mời các cán

bộ đang giảng dạy ở các trường Đại học và Cục đăng kiểm về giảng dạy cho các buổi ngoại khoá. Công ty còn cử các cán bộ chủ chốt của công ty đi tham quan các công ty và các nhà máy ở nước ngoài: Trung Quốc, Czech, Hà lan, Singapore ... để học hỏi kinh nghiệm và kỹ thuật tân tiến của các nước trong lĩnh vực đóng tàu.

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng đạt được những thành tích trên là do sự nhiệt hăng say lao động, sáng tạo trong kinh doanh của toàn thể Cán bộ công nhân viên của công ty và sự lãnh đạo của Ban giám đốc.

Năm 2009 tình hình kinh tế thế giới khủng hoảng và những khó khăn về tình hình kinh tế trong nước như: lạm phát và giá cả tăng cao. Do vậy đã ảnh hưởng một phần đến vốn kinh doanh, nhưng Công ty vẫn bảo toàn được vốn và phát triển vốn kinh doanh và luôn tạo công việc làm ổn định cho 225 người có mức thu nhập bình quân 2.680.000đ/người/tháng. Toàn thể CBCNV nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2009 vượt mức với tỷ lệ cao, đồng thời giữ vững các danh hiệu đạt được trong các năm qua.

2.1.2 Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203000476 đăng ký lần đầu ngày 06/06/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 10 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là: cung ứng vật tư thiết bị điện công nghiệp, dân dụng và tàu thủy (sản xuất tủ, bảng điện phục vụ dưới tàu có trọng tải từ 1000 tấn đến 13.000 tấn) ; Tư vấn, lắp đặt công trình điện công nghiệp, dân dụng, tàu thủy.

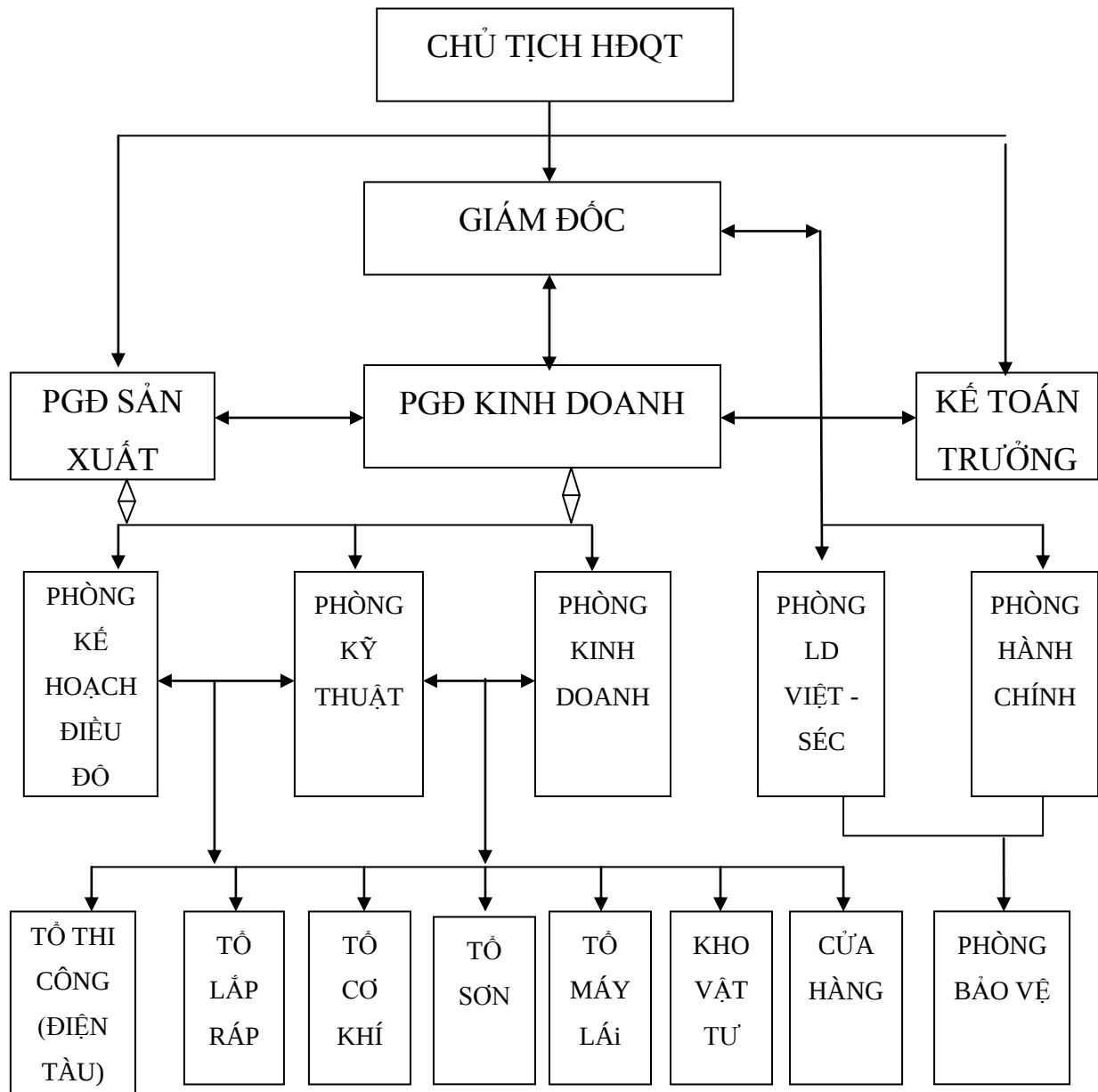
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Là công ty cổ phần nên cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: đứng đầu là Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và bên dưới là các phòng ban chức năng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2

**Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần
công nghiệp điện Hải Phòng**



* Ban giám đốc: bao gồm 1 Giám đốc và 2 Phó giám đốc

- Giám đốc: là người đứng đầu bộ máy lãnh đạo của công ty, phụ trách công việc chung, giám sát điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước tập thể lãnh đạo của công ty (Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể) về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và quá trình điều hành đơn vị và về công ăn, việc làm, đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của cán bộ công nhân trong công ty.

- 2 Phó giám đốc: Là người giúp việc cho giám đốc. Có trách nhiệm thay thế giám đốc trong việc quản lý sản xuất kinh doanh cũng như ký kết các hợp đồng kinh tế (được giám đốc uỷ thác).

* Các phòng ban chính:

Phòng kế toán - tài chính

- Quản lý theo dõi, tính toán lập các sổ sách báo cáo tài chính theo đúng mẫu quy định của Nhà nước, phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

- Theo dõi tình hình thanh toán tiền thuế với ngân sách Nhà nước kịp thời.

- Theo dõi hàng hoá xuất, nhập, tồn kho kịp thời.

- Quản lý và mua hoá đơn GTGT, chịu trách nhiệm viết hoá đơn khi các bộ phận yêu cầu.

- Lập các báo cáo tài chính thực hiện theo quý.

- Lập các hợp đồng kinh tế, dự án theo bảng mẫu công ty.

Phòng hành chính tổ chức

- Có trách nhiệm quản trị hành chính của công ty.

- Giúp việc cho giám đốc về công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí CBCNV phù hợp với năng lực và trình độ để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Tiếp đón khách.

- Trực tổng đài và tiếp nhận công văn Đến và Đi, chuyển các công văn hoặc thư từ đến người nhận (nghiêm cấm bóc các công văn).

- Theo dõi khen thưởng và kỷ luật của cán bộ công nhân viên của Công ty, là uỷ viên HĐQT & KL Công ty.

- Quản lý các vấn đề liên quan đến BHXH và BHYT của Công ty.

Phòng kinh doanh

- Quản lý, theo dõi tính toán kịp thời từng ngày của hàng hoá xuất, nhập, tồn kho xuất cho các công trình, thanh quyết toán, đòi công nợ theo công trình ...
- Quản lý chi trả mua vật tư, thiết bị hàng hoá cho Công ty.
- Báo giá và làm hợp đồng cho khách hàng kịp thời.
- Kết hợp cùng tổ trưởng sản xuất nghiệm thu các công trình khi có yêu cầu.

Phòng kỹ thuật

- Chịu trách nhiệm về lĩnh vực kỹ thuật của công ty.
- Thống kê vật tư và thiết bị theo các bản vẽ nhận từ Phó giám đốc hoặc Phó phòng kinh doanh, Chủ tịch HĐQT, khách hàng.
- Triển khai kỹ thuật phải thống nhất với các tổ: Lắp ráp + Cơ khí và các tổ điện tàu I + II + III trước khi sản xuất và lắp đặt.

Phòng liên doanh Việt - Séc

- Bộ phận bán hàng: nhập hàng từ kho theo phiếu xuất kho cụ thể về số lượng và chủng loại hàng hoá; viết phiếu phải chính xác về số lượng, chủng loại và tiền, phiếu xuất hàng sau khi viết xong đưa cho khách hàng ký và xé liên 03 cho khách hàng; niêm yết giá từng mặt hàng.
- Bộ phận kế toán: cập nhật kịp thời những thông tin từ Séc gửi về báo cáo Chủ tịch HĐQT; thường xuyên theo dõi hàng đóng về báo cáo Giám đốc để khai bill hàng; lập thẻ kho cho từng mặt hàng; kết hợp cùng thủ quỹ đi nộp thuế; hàng tháng báo cáo doanh thu và chi trong tháng cho Chủ tịch HĐQT.
- Bộ phận thu ngân: kiểm tra phiếu xuất hàng và thu tiền đầy đủ, không tự ý cho khách nợ tiền hàng, không tự ý trả nợ khach hàng mà lãnh đạo công ty chưa duyệt chi.
- Bộ phận kho: quản lý hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị; xếp đặt hàng hoá lên giá theo từng mặt hàng; cuối tháng phải kiểm tra lại hàng hoá (còn hay hết), nếu mặt hàng nào hết phải báo cáo trưởng phòng để có kế hoạch nhập kịp thời.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

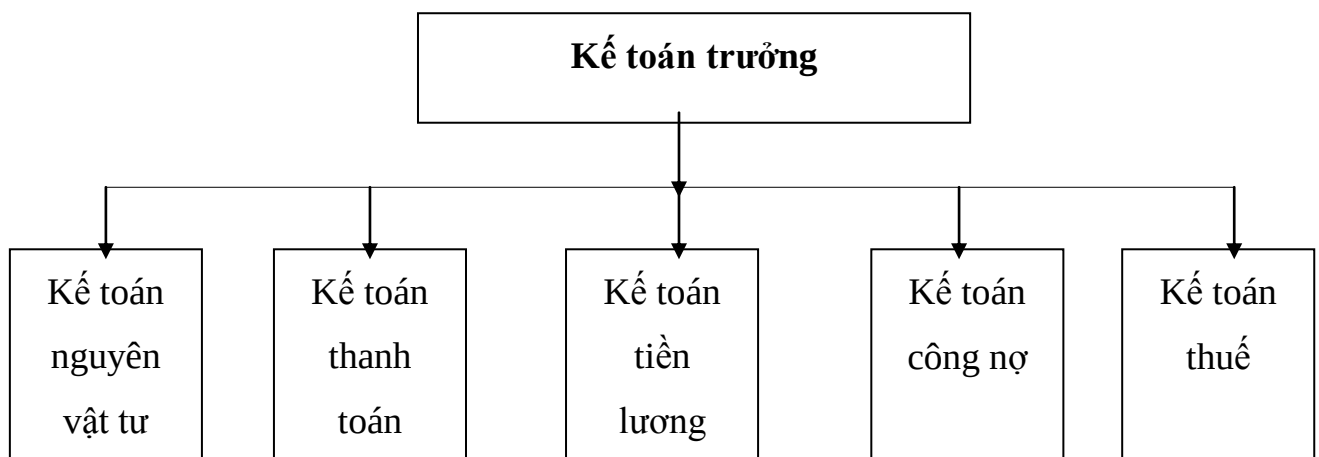
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung.

Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý và gửi về phòng kế toán sẽ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo của đơn vị.

Sơ đồ 2.3

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Công nghiệp điện hải phòng



Bộ máy kế toán của công ty gồm 6 người: 1 kế toán trưởng và 5 kế toán viên.

Mỗi một thành viên trong phòng kế toán đều có vị trí, quyền và nghĩa vụ nhất định theo một cơ chế thống nhất từ trên xuống dưới:

☆ Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty và các cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ công việc của mình cũng như toàn bộ thông tin cung cấp. Kế toán trưởng là kiểm soát viên tài chính của công ty, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

+ Kế toán trưởng giúp giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế ở công ty.

+ Kế toán trưởng căn cứ vào đặc điểm về quy mô, trình độ và tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty, tình hình phân cấp và yêu cầu quản lý để lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán phù hợp.

+ Kế toán trưởng có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp công việc của các Kế toán viên tại Công ty về các công việc thuộc nghiệp vụ kế toán, thống kê. Trường hợp khen thưởng hoặc kỷ luật, chuyển chuyển hoặc tuyển dụng Kế toán viên phải có ý kiến của Kế toán trưởng

+ Kế toán trưởng công ty phụ trách chung trong lĩnh vực thực hiện Luật Kế toán tại Công ty. Kế toán trưởng đứng đầu phòng kế toán phụ trách trong lĩnh vực tài chính đối ngoại.

Giúp việc đắc lực cho kế toán trưởng là các kế toán viên bao gồm:

- Kế toán vật tư: có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn vật tư , dụng cụ, hàng hoá.
- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi việc thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kiểm soát các chứng từ vào quỹ, sổ hợp lệ.
- Kế toán tiền lương: có trách nhiệm tính toán tiền trả lương lao động, tính và theo dõi trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo quy định.
- Kế toán công nợ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình mua bán hàng, đối chiếu công nợ, xác nhận các khoản nợ của công ty.
- Kế toán thuế: có trách nhiệm theo dõi giữa thuế đầu ra và đầu vào, các khoản thuế phải nộp của công ty.

2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo Quyết định số 48/2006QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

a) Những quy định chung

- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.

- Đơn vị tiền tệ mà Công ty sử dụng trong ghi chép, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Phương pháp hạch toán : Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

b, Quy trình luân chuyển chứng từ:

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị, Kế toán Công ty tiến hành định khoản, phản ánh nghiệp vụ trên chứng từ theo hệ thống ghi sổ kế toán tại đơn vị.

☆ *Nội dung của việc tổ chức ghi sổ kế toán bao gồm:*

- Phân loại chứng từ kế toán theo các phần hành theo đối tượng.
- Định khoản các nghiệp vụ trên chứng từ
- Ghi sổ các chứng từ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Trong năm tài chính, chứng từ được bảo quản tại kế toán phần hành.

Khi báo cáo quyết toán được duyệt, các chứng từ được chuyển vào lưu trữ.

☆ *Nội dung lưu trữ bao gồm các công việc sau:*

- Lựa chọn địa điểm lưu trữ chứng từ
- Lựa chọn các điều kiện để lưu trữ
- Xây dựng các yêu cầu về an toàn, bí mật tài liệu
- Xác định trách nhiệm vật chất của các đối tượng có liên quan đến việc lưu trữ chứng từ.

☆ *Khi có công việc cần sử dụng lại chứng từ sau khi đã đưa vào lưu trữ, kế toán công ty tuân thủ các yêu cầu:*

- Nếu sử dụng cho các đối tượng trong doanh nghiệp phải xin phép Kế toán trưởng.

- Nếu sử dụng cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp thì phải được sự đồng ý của Kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

☆ *Hủy chứng từ*: Chứng từ được hủy sau một thời gian quy định cho từng loại.

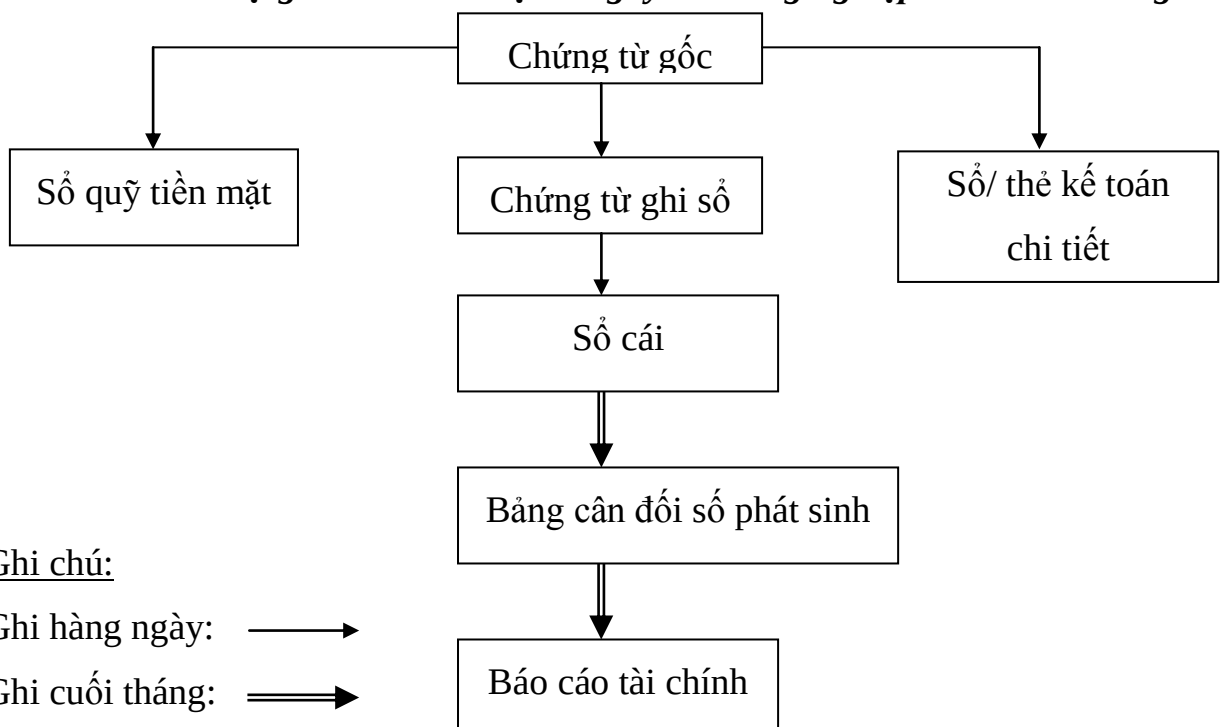
Các giai đoạn trên của chứng từ kế toán có quan hệ mật thiết với nhau mà bất cứ một chứng từ nào cũng phải trải qua. Đây là quy trình luân chuyển chứng từ mà Kế toán Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng thực hiện rất chặt chẽ và hiệu quả.

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty

Công ty cổ phần căn cứ vào các công văn, quyết định, chỉ thị mới nhất của Bộ Tài chính trên cơ sở tình hình thực tế tại Công ty để vận dụng một cách thích hợp hệ thống sổ sách theo quy định của chế độ kế toán tài chính doanh nghiệp. Công ty đã đăng ký sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 2.4

Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng



*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán có cùng nội dung kinh tế, theo định kỳ kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng nhau.

*** Tại Công ty hiện đang sử dụng các loại sổ sách sau :**

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái: Công ty mở Sổ Cái cho tất cả các tài khoản mà Công ty sử dụng. Tại Công ty, mỗi sổ dùng cho một tài khoản ghi phát sinh có và phát sinh nợ.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

2.1.4.4 Hệ thống báo cáo tài chính

Để tiện cho việc kiểm tra, giám sát, Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng sử dụng hệ thống báo cáo tài chính do Nhà nước ban hành. Kết thúc mỗi quý, kế toán các phân hành tiến hành tổng hợp, đối chiếu và tính ra số dư cuối kỳ các tài khoản, chuyển cho kế toán tổng hợp tiến hành lập báo cáo tài chính, gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các báo cáo này là cơ sở để giải trình cho tất cả các hoạt động của một kỳ kế toán. Ngoài ra để phục vụ cho nhu cầu quản lý kinh tế, tài chính, yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ban giám đốc, công ty còn sử dụng một số báo cáo quản trị nội bộ sau:

- Báo cáo doanh thu
- Báo cáo thu chi tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng
- Báo cáo về công nợ nội bộ, công nợ với khách hàng, công nợ với người cung cấp.

Các báo cáo trên được lập theo yêu cầu khi cần thiết, chúng đều có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động quản lý kinh tế của công ty. Từ các báo cáo quản trị nội bộ, Ban giám đốc có thể đưa ra những ý kiến kết luận đúng đắn, các quyết định linh hoạt trong các hợp đồng kinh tế, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng là công ty sản xuất thương mại kinh doanh dịch vụ. Doanh thu của công ty từ nhiều nguồn khác nhau nhưng được chia thành các mảng chính sau:

❖ Doanh thu bán hàng

Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

- Bán buôn: hàng hóa được bán theo lô, hoặc bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà Công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo hợp đồng

- Bán lẻ là hình thức bán hàng hóa với số lượng nhỏ. Hình thức bán lẻ mà Công ty áp dụng là hình thức bán lẻ trực tiếp.

✓ *Các mặt hàng kinh doanh*

- Kinh doanh tủ điện dùng trong hoạt động tàu thủy: Đây là hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty. Hàng năm sản lượng tiêu thụ của mặt hàng này khá lớn. Bởi vậy doanh thu từ việc kinh doanh này chiếm tỷ trọng lớn và đem lại cho Công ty một khoản lợi nhuận đáng kể.

- Kinh doanh dây cáp điện, role, ắc-tô-mát, đồng hồ, quạt gió, ...

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Dịch vụ chủ yếu mà Công ty cung cấp là tư vấn, thiết kế, lắp đặt điện tàu thủy. Doanh thu từ mảng này mang lại không nhiều.

❖ *Phương thức thanh toán tại Công ty bao gồm:*

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán chậm: việc giao hàng và thanh toán tiền hàng trong khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

Công ty là doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Do đó chứng từ được Công ty sử dụng chủ yếu trong kế toán doanh thu bán hàng là:

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng mua bán hàng hóa

- Phiếu thu, Giấy báo có

- Phiếu xuất kho.

- Các chứng từ có liên quan khác.

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Công ty mở thêm 3 tài khoản cấp 2 là:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, lắp đặt, thiết kế điện tàu thủy.

2.2.1.3 Quy trình hạch toán

- Đối với hoạt động bán hàng thành phẩm: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lý kho viết phiếu xuất kho rồi gửi lên phòng kế toán làm căn cứ viết hóa đơn GTGT.

- Đối với hoạt động bán hàng hóa (như role, ồn áp, quạt gió, ...) đây đa phần là khách lẻ, mua với số lượng ít nên kế toán lập bảng kê hàng hóa bán lẻ. Sau 5 ngày mới tổng hợp và gửi phiếu xuất kho lên phòng kế toán làm căn cứ viết phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu. Đối với khách hàng mua với số lượng lớn, mua lần nào thì viết hóa đơn GTGT lần đó.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ: Kế toán ghi và hạch toán riêng. Cuối tháng tiến hành tập hợp doanh thu.

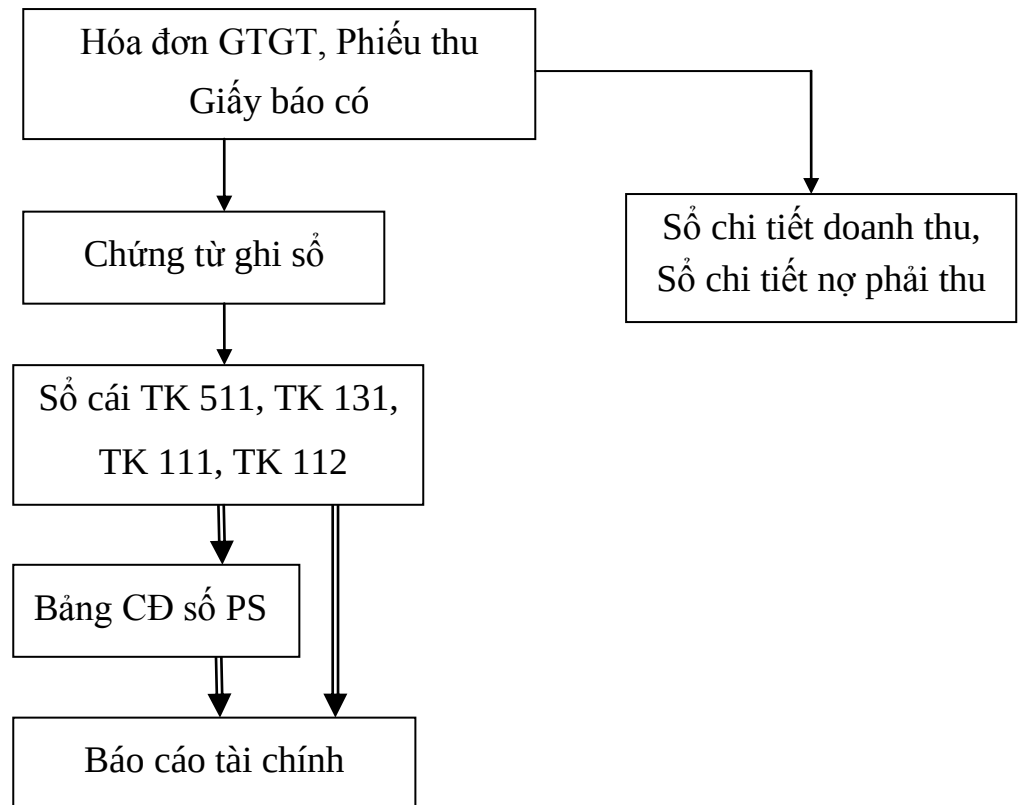
Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, và các chứng từ có liên quan khác, kế toán vào sổ chi tiết doanh thu; tập hợp các chứng từ có cùng nội dung kinh tế, sau 5 ngày lập 1 chứng từ ghi sổ để phản ánh doanh thu. Chứng từ ghi sổ là căn cứ để vào sổ cái TK 511 và các TK có liên quan khác.

Cuối tháng kế toán thực hiện bút toán khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng được mô tả qua sơ đồ 2.5

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1:

Hóa đơn GTGT số 0069170 (Biểu 2.1) ngày 15 tháng 12 năm 2009, bán tủ điện phân phối số 1 cho Công ty CP đóng tàu Đại Dương với tổng giá thanh toán là 112.365.000đ, VAT 10%. Công ty CP đóng tàu Đại Dương thanh toán bằng tiền mặt, phiếu thu (Biểu 2.2)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu 2.1), phiếu thu (Biểu 2.2), kế toán vào sổ chi tiết doanh thu (Biểu 2.3), tập hợp chứng từ có cùng nội dung sau 5 ngày phản ánh vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.4) và (Biểu 2.5), vào Sổ cái TK 511 (Biểu 2.6), Sổ cái TK 333 (Biểu 2.7), và các sổ sách có liên quan khác.

Biểu 2.1 Hóa đơn GTGT số 0069170

HÓA ĐƠN

Mẫu số 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

PE/2009B

Liên 3: (Nội bộ)

0069170

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: ..	Cty CP CN điện Hải Phòng Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB – HP MST: 0200547512	
Địa chỉ:	Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB – HP	
Số tài khoản:	MST: 0200547512	
Điện thoại	MS	
Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: Công ty CP đóng tàu Đại Dương..... Địa chỉ: Khu 6 thị trấn Tiên Lãng – Huyện Tiên Lãng – Hải Phòng..... Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: TM.....MS: 0200751035		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Tủ điện phân phối số 1	Tủ	3	34.050.000	102.150.000
Cộng tiền hàng:					102.150.000
Thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					10.215.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					112.365.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Phạm Bá Huy	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Tiêu Thúy Hằng	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			

Biểu 2.2 Phiếu thu

Công ty CP CN điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB – HP

MST: 0200547512

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006

QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của

Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 12

Số PT: 35

Nợ TK 111: 112.365.000

Có TK 511: 102.150.000

Có TK 3331: 10.215.000

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người nộp tiền: Lê Thanh Tâm

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do: thu tiền bán tủ điện cho Cty CP đóng tàu Đại Dương

Số tiền: **112.365.000đ**

Viết bằng chữ: Một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.3: Sổ chi tiết doanh thu

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Tài khoản: 511

Chứng từ		Nội dung	TK ĐƯ	Nợ	Có
Số	Ngày				
...	...	...	...	...	...
HĐ69135	1/12	Thu BH – cty CPXD sông Đà	111		3.860.000
HĐ69136	2/12	Thu BH - cty điện Quang Dũng	111		700.000
HĐ69137	4/12	Thu BH - cty cơ khí điện tàu thủy	131		18.042.000
...	...	...	...	...	...
HĐ69162	13/12	Thu BH – cty CP TBDương	111		189.451.500
HĐ69163	13/12	Thu BH – XN 156 Hải Quân	111		34.050.000
HĐ69164	14/12	Thu BH - cty STC	111		56.000.000
HĐ69165	14/12	Thu BH- cty CPXD sông Đà	131		234.000.000
HĐ69166	14/12	Thu BH – cty cơ khí điện tàu thủy	111		90.854.616
HĐ69167	14/12	Thu BH - cty CP XLĐ Hải Phòng	111		15.750.000
HĐ69168	15/12	Thu BH - cty XNK T/Nguyên	131		13.735.000
HĐ69169	15/12	Thu BH – cty Sơn Hải	112		53.700.000
HĐ69170	15/12	Thu BH – cty CP Đại Dương	111		102.150.000
HĐ69171	15/12	Thu BH - cty cơ khí Hồng Đức	111		52.236.120
....	...	...	...	...	...
		Cộng			54.395.124.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.4: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 465

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Doanh thu bán hàng bằng TM				
HĐ69151	11/12	Thu BH - Cty TNHH Tiến Long	111	511	208.500.000	
HĐ69152	11/12	Thu BH – XN 156	111	511	30.000.000	
HĐ69158	12/12	Thu BH – DNTN Chúc Môn	111	511	120.158.000	
HĐ69162	13/12	Thu BH – Cty CP TB Dương	111	511	189.451.500	
HĐ69163	13/12	Thu BH – XN 156	111	511	34.050.000	
HĐ69164	14/12	Thu BH - Cty STC	111	511	56.000.000	
HĐ69166	14/12	Thu BH – Cty CK điện tàu thủy	111	511	90.854.616	
HĐ69167	14/12	Thu BH- Cty CP XLĐ Hải	111	511	15.750.000	
HĐ69170	15/12	Thu BH – Cty CP Đại Dương	111	511	102.150.000	
HĐ69171	15/12	Thu BH - Cty cơ khí Hồng Đức	111	511	52.236.120	
		Cộng			899.150.236	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số:S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006

QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 468

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Thuế GTGT đầu ra do hoạt động bán hàng thu tiền mặt				
HĐ69151	11/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	20.850.000	
HĐ69152	11/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	3.000.000	
HĐ69158	12/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	12.015.800	
HĐ69162	13/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	18.945.150	
HĐ69163	13/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	3.405.000	
HĐ69164	14/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	5.600.000	
HĐ69166	14/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	9.085.461	
HĐ69167	14/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	1.575.000	
HĐ69170	15/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	10.215.000	
HĐ69171	15/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	5.223.612	
		Cộng			89.915.027	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.6: Sổ cái doanh thu bán hàng

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/ 2009)

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
10/12	435	10/12	DTBH thu tiền mặt	111		326.225.235
10/12	436	10/12	DTBH thu TGNH	112		614.000.125
10/12	437	10/12	DTBH chưa thu tiền	131		1.009.020.145
15/12	465	15/12	DTBH thu tiền mặt	111		899.150.236
15/12	466	15/12	DTBH thu TGNH	112		569.125.470
15/12	467	15/12	DTBH chưa thu tiền	131		1.205.457.890
20/12	489	20/12	DTBH thu tiền mặt	111		548.000.356
...	...	...				
31/12	530	31/12	K/c dthu xác định	911	54.395.124.000	
			kết quả kinh doanh			
			Cộng phát sinh		54.395.124.000	54.395.124.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.7: Sổ cái thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Số hiệu: 333

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			125.741.423
...	...	...	...	...	...	...
10/12	438	10/12	Thuế GTGT đầu ra	111		32.622.523
			BH thu tiền mặt			
10/12	439	10/12	Thuế GTGT đầu ra	112		61.400.012
			BH thu bằng TGNH			
10/12	440	10/12	Thuế GTGT đầu ra	131		100.902.014
			BH chưa thu tiền			
15/12	468	15/12	Thuế GTGT đầu ra	111		89.915.027
			BH thu bằng tiền mặt			
15/12	469	15/12	Thuế GTGT đầu ra	112		56.912.5470
			BH thu bằng TGNH			
15/12	470	15/12	Thuế GTGT đầu ra	131		120.545.789
			BH chưa thu tiền			
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		2.718.128.850	2.689.969.971
			Số dư cuối kỳ			97.582.544

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng là công ty kinh doanh các loại thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Do vậy nội dung giá vốn của Công ty như sau:

Mỗi một khoản doanh thu mà Công ty thu về đều tương ứng với một khoản chi phí Công ty bỏ ra để có được khoản doanh thu đó.

- Đối với doanh thu bán thành phẩm (tủ điện): Giá vốn là toàn bộ chi phí để sản xuất ra thành phẩm, tức là giá thành thành phẩm.

- Đối với doanh thu bán hàng hóa (dây cáp điện, các loại vật tư khác phục vụ trong điện dân dụng và tàu thủy): Giá vốn là toàn bộ giá mua và chi phí liên quan để có được hàng hóa đó.

- Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ (tư vấn, lắp đặt, thiết kế điện tàu thủy): giá vốn là toàn bộ chi phí để thực hiện dịch vụ.

Tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \text{Số lượng} \times \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Trong đó đơn giá bình quân được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân liên hoàn} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- TK 155 “Thành phẩm”

- TK 156 “Hàng hóa”

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

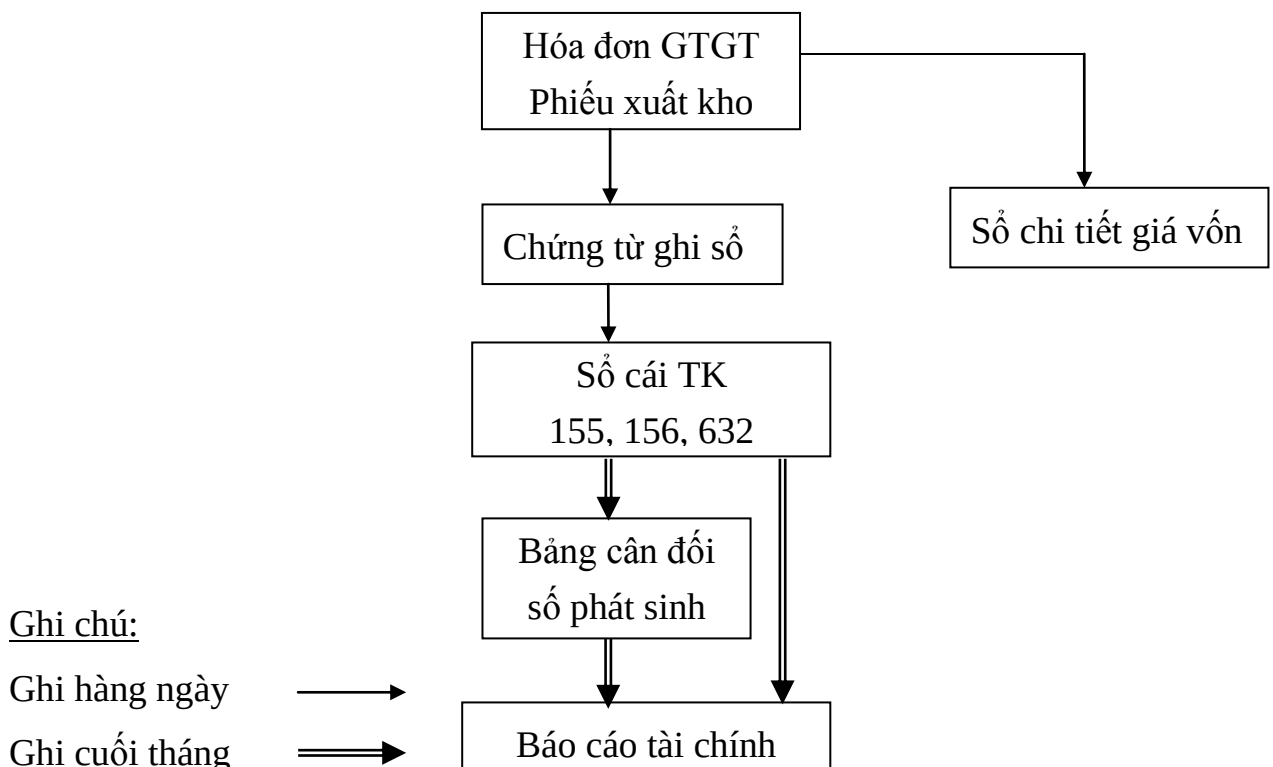
Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, và các chứng từ có liên quan khác, kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung, sau 5 ngày lập chứng từ ghi sổ, vào Sổ cái các TK 155, TK 156, TK 632 và các sổ sách có liên quan khác.

Cuối tháng kế toán thực hiện bút toán khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn



2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2: (Lấy tiếp số liệu ví dụ 1) Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Từ phiếu xuất kho (Biểu số 2.8), kế toán vào Sổ chi tiết giá vốn (Biểu 2.9), sau 5 ngày tập hợp các phiếu xuất có cùng nội dung (xuất thành phẩm hay hàng hóa ,...) lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.10), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.11), Sổ cái TK 155 (Biểu số 2.12).

Định khoản:

Nợ TK 632: 85.950.000

Có TK 155: 85.950.000

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Công ty CP CN điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB- HP

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Quyển số:12

Số: 38

Nợ TK:632

Có TK:155

Họ tên người nhận hàng: Phạm Bá Huy

Địa chỉ: Công ty CP đóng tàu Đại Dương

Lý do xuất: Xuất bán thành phẩm

Xuất tại kho: kho Công ty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm,	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Tủ điện phân phối số 1		Tủ	3	3	28.650.000	85.950.000
	Cộng						85.950.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Tám mươi năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết giá vốn

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Tài khoản: 632

Chứng từ		Nội dung	TK ĐƯ	Nợ	Có
Số	Ngày				
...	...	...	...	...	...
PX01	1/12	GVHB – cty CPXD sông Đà	156	3.056.000	
PX02	2/12	GVHB - cty điện Quang Dũng	156	547.012	
PX03	4/12	GVHB- cty cơ khí điện tàu thủy	156	15.024.000	
...	...	...	...	...	
PX31	13/12	GVHB - XN 156 Hải Quân	155	28.650.000	
PX32	14/12	GVHB - cty STC	155	52.024.785	
PX33	14/12	GVHB - cty CPXD sông Đà	156	229.693.541	
PX34	14/12	GVHB - cty cơ khí điện tàu thủy	156	82.021.000	
PX35	14/12	GVHB - cty CP XLĐ HPhòng	155	11.418.000	
PX36	15/12	GVHB - cty XNK T/Nguyên	155	10.108.520	
PX37	15/12	GVHB - cty Sơn Hải	156	50.012.415	
PX38	15/12	GVBH - cty CP Đại Dương	155	85.950.000	
PX39	15/12	GVBH - cty cơ khí Hồng Đức	155	42.500.000	
	...	...	...	...	...
		Cộng		52.915.524.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.10: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 463

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Giá vốn bán thành phẩm				
PX22	10/12	GVHB – DN Thịnh Hưng	632	155	75.148.000	
PX24	10/12	GVHB – Cty CP TBDương	632	155	235.147.000	
PX29	12/12	GVHB – Cty STC	632	155	182.688.000	
PX31	13/12	GVHB - XN 156 Hải Quân	632	155	28.650.000	
PX32	14/12	GVHB - Cty STC	632	155	52.024.785	
PX35	14/12	GVHB - Cty CP XLĐ HPhòng	632	155	11.418.000	
PX36	15/12	GVHB - Cty XNK T/Nguyên	632	155	10.108.520	
PX38	15/12	GVHB - Cty CP Đại Dương	632	155	85.950.000	
PX39	15/12	GVHB - Cty cơ khí Hồng Đức	632	155	42.500.000	
		Cộng			723.634.305	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.11: Sổ cái giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
5/12	418	5/12	Giá vốn bán thành phẩm	155	617.124.000	
5/12	419	5/12	Giá vốn bán hàng hóa	156	352.987.623	
10/12	433	10/12	Giá vốn bán thành phẩm	155	875.000.125	
10/12	434	10/12	Giá vốn bán hàng hóa	156	915.476.877	
15/12	463	15/12	Giá vốn bán thành phẩm	155	723.634.305	
15/12	464	15/12	Giá vốn bán hàng hóa	156	1.425.461.100	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	531	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		52.915.524.00
			xác định KQKD			
			Cộng phát sinh		52.915.524.000	52.915.524.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.12: Sổ cái thành phẩm

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thành phẩm

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/ 2009)

Số hiệu: 155

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		12.021.591.758	
...	...	...	...	...	...	...
4/12	418	4/12	Nhập kho t/phẩm từ sx	154	1.312.890.345	
5/12	420	5/12	Xuất bán thành phẩm	632		617.124.000
7/12	428	7/12	Nhập kho t/phẩm từ sx	154	102.000.514	
10/12	433	10/12	Xuất bán thành phẩm	632		875.000.125
15/12	463	15/12	Xuất bán thành phẩm	632		723.634.305
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		33.000.787.792	42.154.784.128
			Số dư cuối kỳ		2.867.595.420	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.3.1 Nội dung chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

❖ Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng;
- Tiền nước, tiền điện, điện thoại;
- Chi phí vận chuyển hàng hóa;
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ hoạt động bán hàng;
- Dịch vụ hậu mãi, bảo hành...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý;
- Phí chuyển tiền, phí quản lý tài khoản;
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí Hội nghị, tiếp khách;
- Tiền điện, nước ...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Giấy đề nghị thanh toán, Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương, Bảng trích khấu hao
- Các chứng từ có liên quan khác.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 6421 “Chi phí bán hàng”
- TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

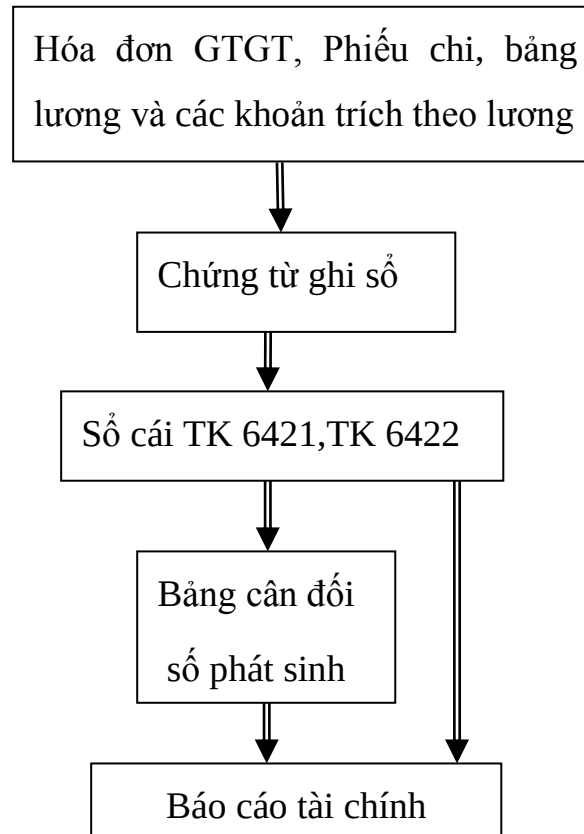
2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế liên quan đến nội dung chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tập hợp lại.

Cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ, vào Sổ cái tài khoản 6421, tài khoản 6422.

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú

Ghi cuối tháng ➡➡➡

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 3: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0075428 (Biểu 2.13) ngày 31/12/2009 của Cty TNHH TM & DV vận tải Minh Thanh, về cước vận chuyển phát sinh trong tháng 12/2009. Tổng số tiền là 4.780.000đ chưa VAT 5%. Kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.14) thanh toán tiền cho Công ty Minh Thanh.

Định khoản:

Nợ TK 6421: 4.780.000

Nợ TK 133: 239.000

Có TK 111: 5.019.000

Sau đó, kế toán tập hợp các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng phát sinh trong tháng phản ánh vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.15), Sổ cái TK 6421 (Biểu 2.16)

Ví dụ 4: Ngày 20/12/2009 kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.17) thanh toán tiền công tác phí cho anh Mai Quốc Huy với số tiền 2.038.000đ. Cuối tháng tập hợp các chứng từ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ (Biểu 2.18), Sổ cái TK 6422 (Biểu 2.19).

Định khoản:

Nợ TK 6422: 2.038.000

Có TK 111: 2.038.000

Biểu 2.13 Hóa đơn GTGT số 0075428

HÓA ĐƠN

Mẫu số 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QM/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

0075428

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng:	Cty TNHH TM & DV vận tải Minh Thanh	
Địa chỉ:	Lam Sơn – An Dương – Hải Phòng	
Số tài khoản:	MST: 0200606905	
Điện thoại MS		
Họ tên người mua hàng		
Tên đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng		
Địa chỉ: Số 3 Km 92 Hùng Vương – Hồng Bàng - HP		
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán: TM..... MS: 0200547512		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Cước vận chuyển từ Quán	Km	11	380.000	4.180.000
	Toan về kho				
2	Cước vận chuyển ra Cảng	Km	5	120	600.000
Cộng tiền hàng:					4.780.000
Thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					239.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.019.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu không trăm mười chín nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.14: Phiếu chi

Công ty CP CN điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB – HP

MST: 0200547512

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006

QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của

Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 12**Số PC: 86**

Nợ TK6421: 4.780.000

Nợ TK 133: 239.000

Có TK 111: 5.019.000

PHIẾU CHI*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Trung Hiếu

Địa chỉ: Cty TNHH TM & DV vận tải Minh Thanh

Lý do chi: Thanh toán tiền cước vận chuyển

Số tiền: **5.019.000đ***Viết bằng chữ: Năm triệu không trăm mười chín nghìn đồng.**Kèm theo: 01 chứng từ gốc**Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15 Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 525

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Chi phí bán hàng tháng 12				
PC05	2/12	Mua dầu Diesel	6421	111	662.727	
PC08	5/12	Mua dầu Diesel	6421	111	883.636	
PC17	8/12	Mua xăng	6421	111	5.745.454	
PC18	8/12	Thay côn xe	6421	111	330.000	
PC39	15/12	Chi mua vé cầu phà+tiền VS	6421	111	1.312.000	
PC47	17/12	Mua dầu Diesel	6421	111	3.927.224	
...	...	...	...	...	...	...
PC86	31/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	6421	111	4.780.000	
BPBKH	31/12	Khấu hao TSCĐ	6421	214	12.356.415	
BL	31/12	Tính lương bộ phận bán hàng	6421	334	125.822.239	
		Trích BHXH, BHYT vào cphí	6421	3383	4.866.000	
		Cộng			258.147.348	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.16: Sổ cái chi phí bán hàng

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009)

Số hiệu: 6421

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/10	235	31/10	Chi phí bán hàng T10	111,334,	230.969.483	
30/11	395	30/11	Chi phí bán hàng T11	111,334,	194.200.144	
31/12	525	31/12	Chi phí bán hàng T12	111,334,	258.147.348	
31/12	531	31/12	Kết chuyển CPBH	911		683.169.975
			để xác định KQKD			
			Cộng phát sinh		683.169.975	683.169.975
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.17: Phiếu chi

Công ty CP CN điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB – HP

MST: 0200547512

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006

QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của

Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 12

Số PC: 55

Nợ TK6422: 2.038.000

Có TK 111: 2.038.000

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Họ và tên người nhận tiền: Mai Quốc Huy

Địa chỉ: Bộ phận quản lý

Lý do chi: Thanh toán tiền công tác phí

Số tiền: **2.038.000đ**

Viết bằng chữ: Hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 526

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Chi phí quản lý DN T12/2009				
PC04	1/12	Tiếp khách	6422	111	3.760.000	
PC06	2/12	Mua xăng	6422	111	994.091	
PC15	7/12	Thanh toán tiền nước	6422	111	1.360.080	
PC19	8/12	Thanh toán tiền cà vạt	6422	111	5.496.000	
PC31	11/12	Trả tiền mua hóa đơn	6422	111	30.400	
PC32	12/12	Thanh toán tiền máy in	6422	111	2.402.849	
BN	14/12	Phí chuyển tiền	6422	112	11.000	...
BN	15/12	Mua séc	6422	112	100.000	
BN	16/12	Ngân hàng thu phí	6422	112	11.000	
BN	19/12	Phí kiểm đếm	6422	112	451.500	
PC55	20/12	Thanh toán tiền công tác phí	6422	111	2.038.000	
..	...	...	...	...	...	...
BPBKH	31/12	Khấu hao TSCĐ	6422	214	5.417.215	
BL	31/12	Tính lương bộ phận quản lý	6422	334	102.176.654	
		Trích BHXH, BHYT	6422	3383	2.735.000	
		vào chi phí				
		Cộng			158.591.937	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.19: Sổ cái chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Số hiệu: 6422

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/10	236	31/10	Chi phí quản lý T10	111,112..	118.354.223	
30/11	396	30/11	Chi phí quản lý T11	111,112	127.591.937	
31/12	526	31/12	Chi phí quản lý T12	111,112,..	158.591.937	
31/12	531	31/12	Kết chuyển cp QLDN	911		404.538.937
			để xác định KQKD			
			Cộng phát sinh		404.538.937	404.538.937
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.4.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty

❖ Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là nguồn thu từ lãi tiền gửi ngân hàng hàng tháng.

Do đặc điểm sản xuất, kinh doanh, hoạt động mua vào, bán ra diễn ra hàng ngày nên chủ yếu sử dụng quỹ tiền mặt, còn tiền gửi ngân hàng thường là dùng cho khách ở xa hoặc nước ngoài thanh toán bằng chuyển khoản. Sau đó kế toán rút tiền về quỹ tiền mặt để chi tiêu. Do đó nguồn thu từ hoạt động tài chính là không lớn.

❖ Chi phí hoạt động tài chính là khoản tiền lãi vay ngân hàng, tiền lãi vay phải trả do vay các khoản bên ngoài mà Công ty phải trả hàng tháng.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, Giấy báo có
- Ủy nhiệm chi
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng

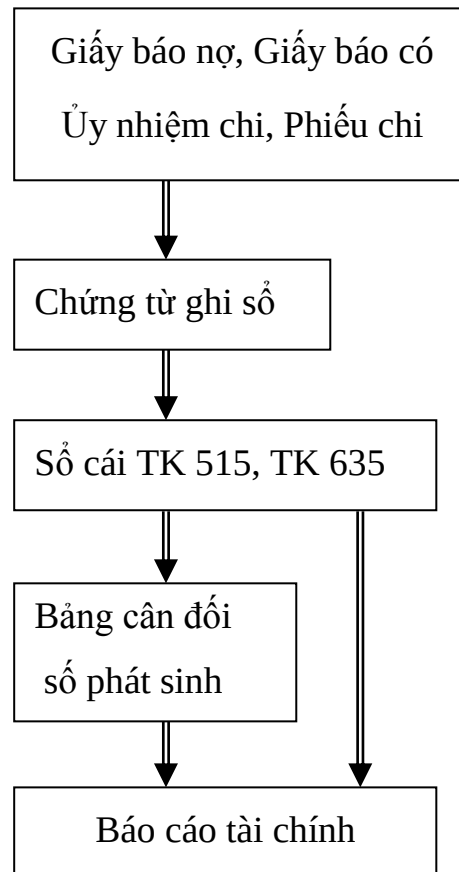
- TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Hàng tháng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có, và các chứng từ khác kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung, đến cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, vào Sổ cái TK 515, TK 635.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được mô tả theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động tài chính



Ghi chú

Ghi cuối tháng ➡

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 5: Ngày 31/12/2009 căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng Techcombank (Biểu 2.20), kế toán tập hợp các Giấy báo có về việc trả lãi tiền gửi của tất cả các ngân hàng phát sinh trong tháng, lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.21), vào sổ cái TK515 (Biểu 2.22).

Ví dụ 6: Ngày 31/12/2009 Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng trả tiền lãi vay 30.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ (Biểu 2.23) ngày 29/11/2009. Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu 2.24) ngày 31/12/2009, kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung phát sinh trong tháng, lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.25), vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.26).

Biểu 2.20: Giấy báo có

GIẤY BÁO CÓ LÃI TIỀN GỬI

VIBbank

Chi nhánh Lê Chân

TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP CN ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số cif: 02482145

SỐ TÀI KHOẢN

Từ ngày

Đến ngày

Lãi suất

Tiền lãi

1/12/2009

31/12/2009

4.784.591

TỔNG CỘNG: 4.784.591

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.21: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 527

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Doanh thu hoạt động tài chính				
		tháng 12/2009				
BC	31/12	Ngân hàng trả lãi – Techcombank	112	515	4.784.591	
BC	31/12	Ngân hàng trả lãi – Exim	112	515	3.025.921	
BC	31/12	Ngân hàng trả lãi – PT nhà	112	515	1.234.000	
BC	31/12	Ngân hàng trả lãi – Công thương	112	515	461.164	
BC	31/12	Ngân hàng trả lãi – VIB	112	515	1.201.832	
		Cộng			10.707.508	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.22: Sổ cái doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/ 2009)

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/10	237	31/10	Doanh thu HĐTC tháng 10	112		16.054.139
30/11	397	30/11	Doanh thu HĐTC tháng 11	112		21.047.165
31/12	527	31/12	Doanh thu HĐTC tháng 12	112		10.707.508
31/12	530	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	47.808.812	
			HĐTC để xác định KQKD			
			Cộng phát sinh		47.808.812	47.808.812
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.23: Khế ước nhận nợ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG KIÊM

KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ

SỐ: 1603 – LDS - 2009

BÊN VAY: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 3 Km92 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Điện thoại: 031.3538397 Fax: 031.3538766

Người đại diện : **Mai Thế Truyền** – Giám đốc Công ty làm đại diện

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1603 – LAV – 20000259 ngày 29/11/2009, đề nghị ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam cho rút số tiền:

Bằng số: 3.000.000.000 VND

Bằng chữ: Ba tỷ đồng chẵn ./.

Trong đó: Tiền mặt : 0

Chuyển khoản: 100%

Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua vật tư thiết bị điện cho Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Tiến và Công ty TM DV XLĐ Nam Dương.

- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lịch trả nợ gốc: trả hết một lần vào ngày 29/5/2010.
- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 31.
- Lãi suất cho vay 1%/tháng, 12%/năm; việc xác định hỗ trợ lãi suất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Chúng tôi lập Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ này để Ngân hàng ghi nợ số tiền trên vào tài khoản vay của chúng tôi tại Quý Ngân hàng và cam kết trả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ này được lập thành 04 bản và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng nêu trên đã ký giữa chúng tôi với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ngay sau khi ngân hàng ký và giải ngân

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2009

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

Biểu 2.24: Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT
VIỆT NAM
MST- 0100230800-004

TECHCOMBANK

Theo công văn số 21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO CỐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: CTY CP CN DIEN HAI PHONG

Số tài khoản : 108.20031151.01.5

Địa chỉ: SO 3 KM92-DUONG 5- HUNG VUONG

Loại tiền : VND

Mã số thuế : 0200547512

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Ủy nhiệm chi trả tiền lãi	30.000.000
Tổng số tiền	30.000.000

Số tiền bằng chữ: **Ba mươi triệu VNĐ chẵn**

Trích yếu: Ủy nhiệm chi trả tiền lãi

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số 2.25: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 528

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Chi phí hoạt động tài chính				
BN	31/12	Trả tiền vay theo khế ước	635	112	30.000.000	
BN	31/12	Trả tiền lãi ngân hàng Exim	635	112	2.125.000	
BN	31/12	Trả tiền lãi – ngân hàng VIB	635	112	1.301.451	
BN	31/12	Trả tiền lãi – ngân hàng Công thương	635	112	5.012.824	
						
		Cộng			67.025.672	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Biểu 2.26: Sổ cái chi phí hoạt động tài chính

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/ 2009)

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/10	238	31/10	Chi phí HĐTC tháng 10	112	45.012.147	
30/11	398	30/11	Chi phí HĐTC tháng 11	112	51.024.189	
31/12	528	31/12	Chi phí HĐTC tháng 12	112	67.025.672	
31/12	531	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC	911		163.082.008
			để xác định KQKD			
			Cộng phát sinh		163.082.008	163.082.008
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán chi phí khác tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

2.2.5.1 Nội dung kế toán chi phí khác tại Công ty

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính. Tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng các khoản chi phí khác phát sinh chủ yếu là khoản tiền phạt do nộp chậm thuế.

2.2.5.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Thông báo nộp phạt của Cơ quan thuế
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

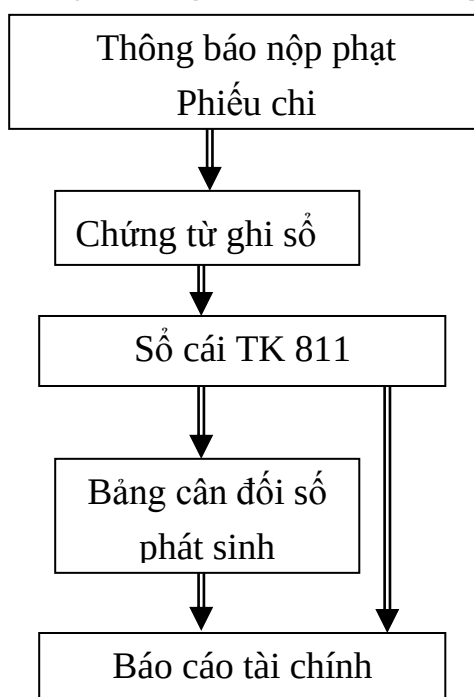
TK 811 “Chi phí khác”

2.2.5.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào chứng từ gốc như: Thông báo nộp phạt của cơ quan thuế, Phiếu chi, ... kế toán tập hợp lại. Đến cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, vào Sổ cái TK 811 và các sổ sách có liên quan khác.

Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng được mô tả theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí khác



Ghi chú

Ghi cuối tháng ➡

2.2.5.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 7: Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty nhận được thông báo của Cơ quan thuế về số tiền phạt do nộp chậm thuế nhập khẩu hàng hóa (lô hàng đồng hồ biến áp nhập khẩu từ Cộng hòa Séc), số tiền là 72.024.698đ. Kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.27), lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.28), vào Sổ cái TK 811 (Biểu 2.29).

Biểu 2.27: Phiếu chi

Công ty CP CN điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB – HP

MST: 0200547512

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006

QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của

Bộ trưởng BTC)

Quyển số: 12

Số PC: 69

Nợ TK811: 72.024.698

Có TK 111: 72.024.698

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Họ và tên người nhận tiền: Mai Thu Hà

Địa chỉ: Cơ quan thuế

Lý do chi: phạt do nộp chậm thuế

Số tiền: **72.024.698đ**

Viết bằng chữ: Bảy mươi hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.28: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB- HP

Mẫu số: S02-DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 529

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
		Chi phí khác tháng 12				
PC69	25/12	Phạt do nộp chậm tiền thuế	811	111	72.024.698	
		Cộng			72.024.698	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.29: Sổ cái TK 811

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí khác

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	CT ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/10	239	31/10	Chi phí khác tháng 10	111	19.024.547	
31/12	529	31/12	Chi phí khác tháng 12	111	72.024.698	
31/12	531	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		91.049.245
			để xác định KQKD			
			Cộng phát sinh		91.049.245	91.049.245
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả, kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

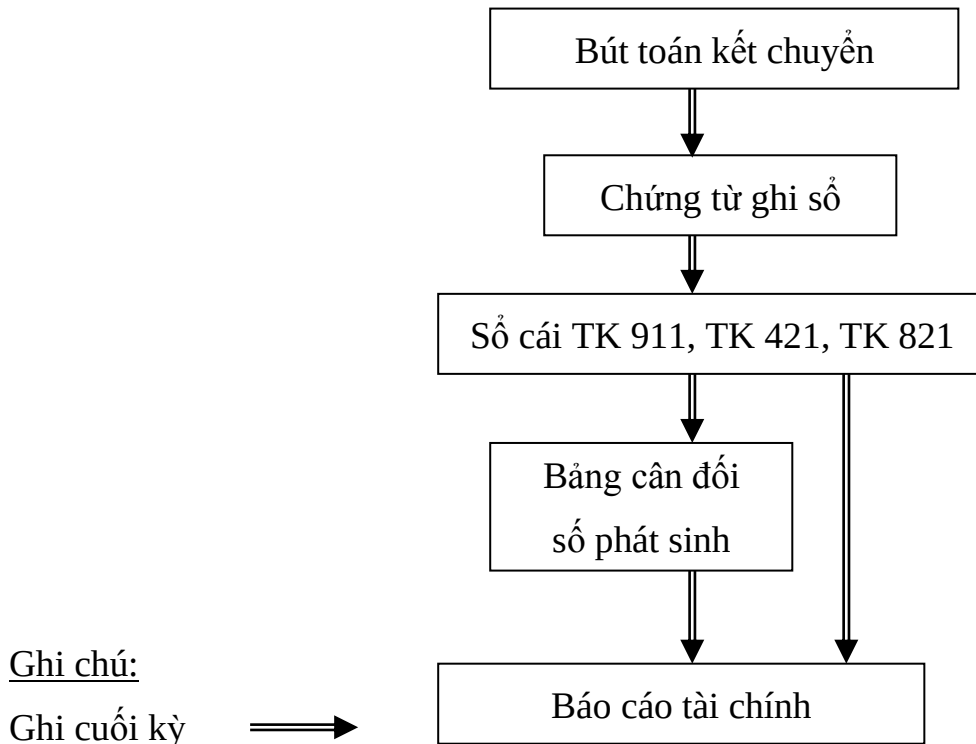
2.2.6.1 Tài khoản sử dụng

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Các TK có liên quan khác: TK 511, TK 515, TK 632, TK 635, TK 6421, TK 6422, TK 811, TK 821, TK 421.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.10: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh



2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 8: Ngày 31/12/2009, kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh của Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng trong Quý IV/2009, thực hiện các bút toán kết chuyển như sau:

✓ Kết chuyển doanh thu bán hàng

Nợ TK 911: 54.395.124.000

Có TK 511 : 54.395.124.000

✓ Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515: 47.808.812

Có TK 911: 47.808.812

✓ Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ Tk 911: 52.915.524.000

Có TK 632: 52.915.524.000

- ✓ Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 911: 103.082.008

Có TK 635: 103.082.008

- ✓ Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911: 683.169.975

Có TK 6421: 683.169.975

- ✓ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: 404.538.937

Có TK 6422: 404.538.937

- ✓ Kết chuyển chi phí khác

Nợ TK 911: 91.049.245

Có TK 811: 91.049.245

Kế toán thực hiện tính kết quả toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty

$$\begin{aligned} \text{Kết quả} &= (54.395.124.000 + 47.808.812 - 52.915.524.000 - 103.082.008 \\ \text{kinh doanh} &- 683.169.975 - 404.538.937 - 91.049.245) \\ &= \mathbf{245.568.647đ} \end{aligned}$$

Tổng kết quả kinh doanh quý IV/2009 là 245.568.647đ > 0 → Lãi quý IV

Thuế TNDN phải nộp Quý IV = 245.564.647 * 25% = 61.392.162đ

- ✓ Xác định thuế TNDN phải nộp trong kỳ

Nợ TK 821: 61.392.162

Có TK 3334: 61.392.162

- ✓ Kết chuyển thuế TNDN sang TK 911

Nợ TK 911: 61.392.162

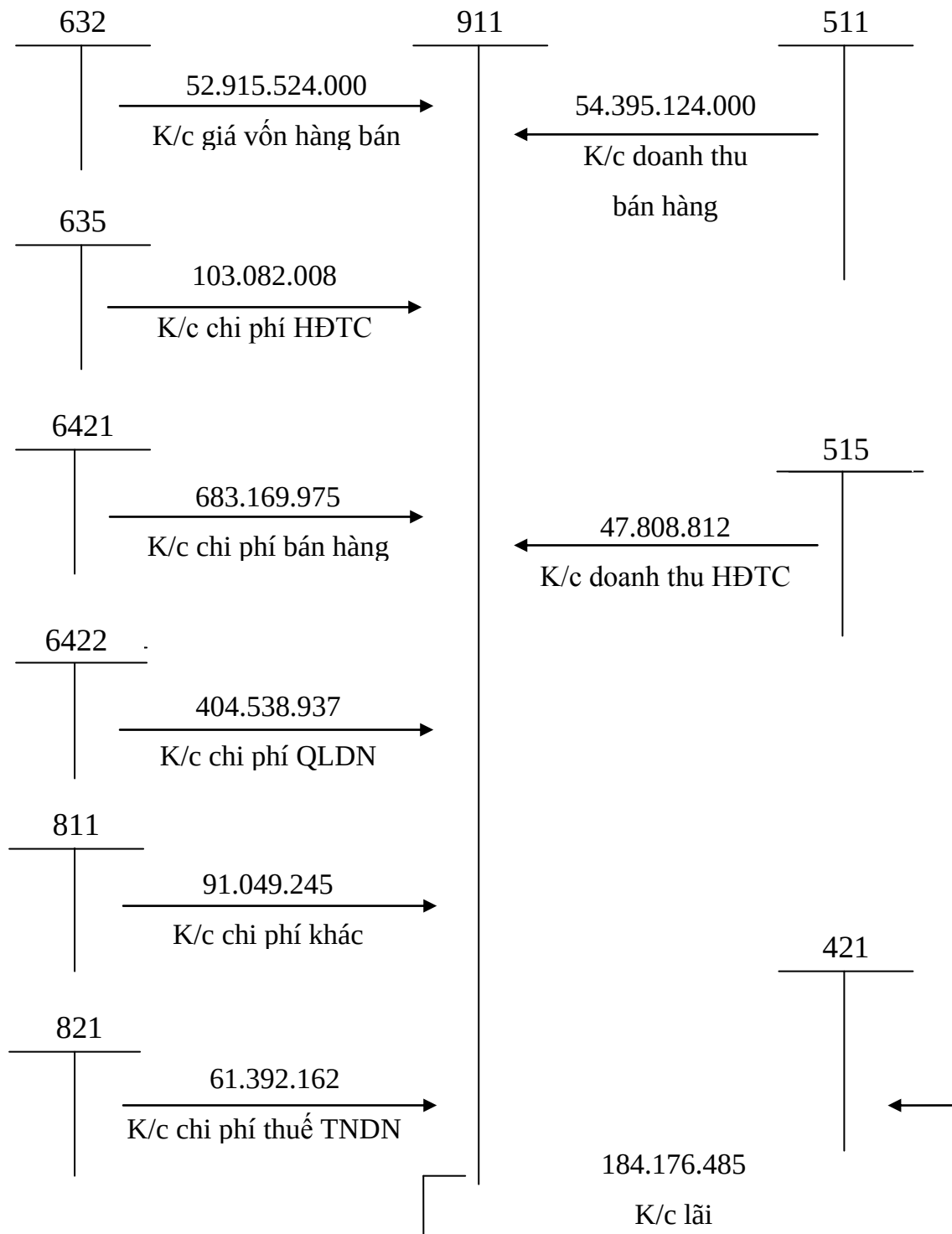
Có TK 821: 61.392.162

Lợi nhuận sau thuế TNDN = 245.568.647 - 61.392.162 = **184.176.485đ**

Từ các số liệu trên là căn cứ để lập chứng từ ghi sổ(Biểu 2.30, 2.31, 2.32, 2.33) vào Sổ cái TK 911(Biểu 2.34), Sổ cái TK 821 (Biểu 2.35), Sổ cái TK 421 (Biểu 2.36)

Sơ đồ xác định kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV/2009 tại

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng



Biểu 2.30: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 530

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu BH	511	911	54.395.124.000	
Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	47.808.812	
Cộng			54.442.932.812	

Kèm theo: chứng từ gốc

Biểu 2.31: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 531

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	52.915.524.000	
Kết chuyển chi phí HĐTC	911	635	103.082.008	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	683.169.975	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	6422	404.538.937	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	91.049.245	
Cộng			54.197.364.165	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.32: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 532

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN	821	3334	61.392.162	
phải nộp quý IV/2009				
Cộng			61.392.162	

Kèm theo: chứng từ gốc

Biểu 2.33: Chứng từ ghi sổ

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S02-DN

Số 3 Km 92 Hùng Vương – HB- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 533

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	61.392.162	
Kết chuyển lãi hoạt động	911	421	184.176.485	
kinh doanh				
Cộng			245.568.647	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.34: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...		
31/12	530	31/12	K/c doanh thu BH	511		54.395.124.000
			K/c doanh thu HĐTC	515		47.808.812
31/12	531	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	52.915.524.000	
			K/c chi phí HĐTC	635	103.082.008	
			K/c chi phí bán hàng	6421	683.169.975	
			K/c chi phí QLDN	6422	404.538.937	
			K/c chi phí khác	811	91.049.245	
31/12	533	31/12	K/c cp thuế TNDN	821	61.392.162	
			Kết chuyển lãi	421	184.176.485	
			Cộng phát sinh		54.442.832.812	54.442.832.812
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.35: Sổ cái TK821

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
						
31/12	532	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	61.392.162	
			phải nộp quý IV/2009			
31/12	533	31/12	Kết chuyển chi phí	911		61.392.162
			thuế TNDN			
			Cộng phát sinh		61.392.162	61.392.162
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.36: Sổ cái TK421

Đơn vị: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Địa chỉ: Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2009

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			767.360.592
3/1	04	3/1	Phân bổ LNNT vào	411	767.360.592	
			nguồn vốn kinh doanh			
31/3	96	31/3	Kết chuyển lãi quý I	911		56.025.412
30/6	168	30/6	Kết chuyển lãi quý II	911		104.548.925
31/10	240	31/10	Kết chuyển lãi quý III	911		138.138.113
31/12	533	31/12	Kết chuyển lãi quý IV	911		184.176.485
			Cộng phát sinh		767.360.592	482.888.935
			Số dư cuối kỳ			482.888.935

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mẫu số: B02- DN
Ban hành theo QĐ số
48/2006QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ
trưởng BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV/2009

Người nộp thuế: Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mã số thuế: 0200547512

Địa chỉ trụ sở: Số 3 Km 92 – đường 5 mới – Hùng Vương

Quận/ Huyện: Hồng Bàng

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	54.395.124.000	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		54.395.124.000	
4	Giá vốn hàng bán	11		52.915.524.000	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		1.479.600.000	
	(20 = 10 – 11)				
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.808.812	
7	Chi phí tài chính	22		103.082.008	
	- Trong đó chi phí lãi vay	23		103.082.008	
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.087.708.912	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)	30		336.617.892	
10	Thu nhập khác	31		-	
11	Chi phí khác	32		91.049.245	
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(91.049.245)	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	245.568.647	
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		61.392.162	
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60		184.176.485	

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP ĐIỆN HẢI PHÒNG

3.1 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng

3.1.1 Nhận xét chung

Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoạt động bán hàng diễn ra thường xuyên liên tục làm nảy sinh mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng, người lao động, giữa doanh nghiệp với các nhà đầu tư và với Nhà nước. Những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò và tác động rất lớn đến mối quan hệ này. Chính vì vậy kế toán trở thành công cụ đắc lực giúp Ban giám đốc trong việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế bằng cách cung cấp chính xác và kịp thời đầy đủ các số liệu kinh tế, phân tích chúng để nhà quản lý có được một đánh giá đúng đắn thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục kịp thời những tồn tại và phát huy những ưu điểm, tiềm năng chưa được khai thác. Từ đó đề ra các phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty cổ phần công nghiệp điện Hải Phòng đã không ngừng phấn đấu để đạt được kết quả nhanh và bền vững. Bộ máy quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng đặc biệt là khâu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không ngừng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

3.1.2 Những ưu điểm đạt được

✓ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tập trung tại phòng kế toán. Mô hình này phù hợp với địa bàn, quy mô vừa và nhỏ của công ty, đảm bảo quản lý tập trung của công tác kế toán,

dễ phân công xử lý, kiểm tra xử lý và cung cấp thông tin kịp thời, giúp ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình của công ty.

- Bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ hoạt động hiệu quả thực hiện đúng chế độ hiện hành. Đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi và nâng cao trình độ trong công việc. Mỗi kế toán được giao một công việc cụ thể, rõ ràng, tránh được sự trùng lặp trong công việc, hiệu quả làm việc cao.

✓ *Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán*

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại công ty cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Công ty vận dụng hệ thống tài khoản theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC và bổ sung một số tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm của Công ty.

✓ *Về sổ sách kế toán*

Hệ thống sổ sách tại công ty có ưu điểm là đơn giản, gọn nhẹ. Kế toán áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty.

✓ *Về công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

- Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về việc xác định giá vốn hàng bán: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn phù hợp với loại hình kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề quan trọng mà mà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy

công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tính hình thực tế của Công ty.

3.1.3 Những hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng vẫn còn những tồn tại cần khắc phục

✓ Về bộ máy kế toán

Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán nên khối lượng công việc là rất lớn, việc ghi chép bằng tay còn nhiều nên hiệu quả làm việc không cao.

✓ Về phương pháp hạch toán

Trong TK 6421 “Chi phí bán hàng” Công ty hạch toán chung các chi phí phát sinh từ khâu nhập đến xuất bán, mà không phân chia thành 2 phạm trù chi phí: chi phí mua hàng và chi phí bán hàng.

✓ Về hệ thống sổ sách

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ nhưng không có Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Như vậy sẽ gây ra khó khăn trong việc quản lý chứng từ ghi sổ, kiểm tra đối chiếu.

- Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết giá vốn của Công ty thực chất là sổ cái ghi theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công ty không sử dụng các loại sổ chi tiết theo từng đối tượng và bảng tổng hợp chi tiết. Điều này khiến cho việc kiểm tra đối chiếu rất khó khăn. Cụ thể:

- Trong phần kế toán hàng tồn kho: Công ty không có sổ chi tiết cho từng loại thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, công cụ. Đồng thời không có bảng tổng

hợp chi tiết hàng tồn kho. Như vậy sẽ khó có thể đối chiếu xem từng loại hàng tồn kho, còn bao nhiêu, phát sinh bao nhiêu, ...

- Phần kế toán công nợ: Công ty không sử dụng sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Điều này khiến nhà quản lý khó theo dõi số nợ Công ty với nhà cung cấp và số nợ của từng khách hàng đối với Công ty.

- Trong phần kế toán doanh thu: công ty không sử dụng sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thành phẩm, hàng hóa, ... Đồng thời Công ty không sử dụng Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng. Khi không sử dụng loại sổ này, kế toán không thể đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời về số lượng, đơn giá, thành tiền của từng loại.

✓ Về quy trình luân chuyển chứng từ

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Nhà nước đóng vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, sự thành bại của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào hoạt động của công tác kế toán.

Việc hoàn thiện công tác kế toán góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp bạn hàng, những người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán trên ngoài hiệu quả đem lại đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nó còn góp phần hoàn

thiện công tác tổ chức kế toán tại Công ty, giúp nhà quản lý điều hành hoạt động kinh doanh tốt hơn, đem lại hiệu quả cao hơn.

3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý mới, để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất, phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn.

- Việc hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được những thông tin kịp thời, chính xác giúp nhà quản lý đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu nhất.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

3.2.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Sau thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, giúp công tác kế toán này hoàn thiện hơn, phù hợp hơn với chế độ quy định.

3.2.3.1 Hoàn thiện bộ máy kế toán

Công ty nên áp dụng và trang bị phần mềm kế toán cho đội ngũ kế toán, để xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giảm bớt khối lượng công việc cũng như về mặt nhân sự mà có được độ chính xác và hiệu quả cao.

Có thể sử dụng một số phần mềm kế toán đang được áp dụng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ như:

- Phần mềm kế toán Fastbook 2008.f
- Phần mềm kế toán Bravo – Công ty phần mềm Bravo.
- Phần mềm kế toán vacom – Công ty cổ phần phần mềm kế toán Vacom.
- Phần mềm kế toán Misa – Công ty cổ phần Misa.

3.2.3.2 Hoàn thiện phương pháp hạch toán

Công ty nên tách biệt các chi phí phát sinh trong quá trình vận động của hàng hóa trong các khâu mua hàng và bán hàng thành các tài khoản riêng biệt sau:

- TK 1562 “Chi phí mua hàng” để hạch toán riêng cho chi phí mua hàng tại Công ty.

- TK 6421 “ Chi phí bán hàng” để hạch toán chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng.

Việc làm này là cần thiết vì nó giúp cho kế toán chi phí xác định được kết quả kinh doanh một cách chính xác, cụ thể, kiểm soát và quản lý các khoản chi phí không hợp lý, không đúng mục đích.

Ví dụ 9: Khoản chi phí vận chuyển phát sinh trong tháng 12/2009, theo hóa đơn GTGT số 0075428 ngày 31/12/2009 của Cty TNHH TM & DV vận tải Minh Thanh với số tiền là 4.780.000đ chưa VAT 5% (đã nêu ở phần 2.3). Kế toán phản ánh toàn khoản chi phí này vào chi phí bán hàng

Nợ TK 6421: 4.780.000

Nợ TK 133: 239.000

Có TK 111: 5.019.000

Trong khoản chi phí này bao gồm cả chi phí chuyển hàng về kho và chuyển hàng ra Cảng. Do đó khoản chi phí này nên tách thành 2 khoản chi phí: chi phí mua hàng và chi phí bán hàng

✓ Chi phí vận chuyển từ Quán Toan về kho là chi phí mua hàng được hạch toán vào TK 1562, tính vào giá vốn hàng hóa.

Nợ TK 1562: 4.180.000

Nợ TK 133: 209.000

Có TK 111: 4.389.000

✓ Chi phí vận chuyển ra Cảng là chi phí bán hàng được hạch toán vào TK6421

Nợ TK 6421: 600.000

Nợ TK 133: 30.000

Có TK 111: 630.000

Như vậy, nếu kế toán hạch toán từng loại chi phí đúng vị trí thì sẽ làm giảm các khoản chi phí trong kinh doanh và kết quả kinh doanh sẽ chính xác hơn.

3.2.3.3. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

Công tác kế toán chỉ thực sự đạt hiệu quả khi có hệ thống sổ sách phù hợp với quy mô và loại hình hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó kế toán mới có thể đáp ứng yêu cầu, cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác, giúp ban lãnh đạo công ty nắm được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thường xuyên và dễ dàng. Do đó, Công ty cần mở thêm một số loại sổ sau:

✂ **Thứ nhất:** Công ty nên mở thêm Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Đây là sổ kế toán tổng hợp để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

Ví dụ 10: (Lấy tiếp ví dụ 8) Sau khi vào chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 3.1). Cụ thể như sau:

Biểu 3.1: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị:.....

Mẫu số: S02b-Dn

Địa chỉ:.....

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền (đ)	Chứng từ ghi sổ		Số tiền (đ)
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
...	...	...			
530	31/12	54.442.932.812			
531	31/12	54.197.364.165			
532	31/12	61.392.162			
533	31/12	245.568.647			
...	...	...			
- Cộng tháng			- Cộng tháng		
- Cộng lũy kế từ đầu quý			- Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thứ hai: Hàng tồn kho của Công ty có nhiều chủng loại và có giá trị lớn. Nhưng Công ty không theo dõi chi tiết cho từng loại hàng tồn kho và tổng hợp số lượng, giá trị của chúng lại. Để giúp chi việc quản lý hàng tồn kho chặt chẽ hơn, tránh thất thoát, Công ty nên mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 3.2) và bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 3.3)

Ví dụ 11: (Lấy tiếp nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở ví dụ 2) Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán phản ánh vào Sổ chi tiết thành phẩm, hàng hóa (Biểu 3.2), Cuối kỳ tổng hợp số phát sinh của các thành phẩm, hàng hóa vào Bảng tổng hợp thành phẩm, hàng hóa (Biểu 3.3). Cụ thể như sau:

Biểu 3.2: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng - Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 155

Tên kho: Thành phẩm

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Tủ điện phân phối số 1

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12 năm 2009)

Chứng từ		Diễn giải	TK đối	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu kỳ		28.650.000					28	802.200.000
										
PX38	15/12	Xuất bán cho cty	632	28.650.000			3	85.950.000	25	716.250.000
		CP Đại Dương								
										
		Cộng			13	372.450.000	41	1.174.650.000	-	-

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết

vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hóa

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S11-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng - Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của Bộ

trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, THÀNH PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 155

(Từ ngày 1/10/1002 đến ngày 31/12/2009)

Stt	Tên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Tủ điện phân phối số 1	802.200.000	372.450.000	1.174.650.000	-
2	Tủ điện phân phối số 2	224.548.417	659.847.000	547.647.925	336.747.492
3	Tủ điện xoay chiều	514.000.847	724.417.531	1.121.847.427	116.570.951
4	Tủ điện quạt hầm	384.021.548	478.555.748	698.736.854	163.840.442
					
	Cộng	12.021.591.758	33.000.787.792	42.154.784.128	2.867.595.420

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

✍ Thứ ba: Trong phần kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp bán hàng. Đây là loại sổ giúp Công ty có thể nắm bắt chi tiết tình hình bán hàng, doanh thu của từng loại thành phẩm, hàng hóa được bán ra.

Ví dụ 12: (Lấy tiếp nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở ví dụ 1) Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán phản ánh doanh thu vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.4) và Bảng tổng hợp bán hàng (Biểu 3.5). Cụ thể như sau:

Biểu 3.4: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S35-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng - Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

(Từ ngày 1/10/2009 đến 31/12/2009)

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tủ điện phân phối số 1

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
									
12/12	HĐ69163	12/12	Bán tủ điện cho cty điện tàu thủy	131	7	34.050.000	238.350.000		
15/12	HĐ69170	15/12	Bán tủ điện cho Cty Đại Dương	111	3	34.050.000	102.150.000		
									
			- Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 3.5: Bảng tổng hợp bán hàng

BẢNG TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

Stt	Tên hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Doanh thu	
			Số lượng	Thành tiền
A	B	C	1	2
1	Tủ điện phân phối số 1	Tủ	41	1.396.050.000
2	Tủ điện phân phối số 2	Tủ	32	698.487.152
3	Tủ điện xoay chiều	Tủ	42	1.347.215.874
4	Tủ điện quạt hâm	Tủ	15	763.418.596
				
	Cộng			54.395.124.000

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

❧ Thứ tư: Trong phần kế toán công nợ, Công ty nên mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán. Như vậy sẽ dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với Công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Qua 2 loại sổ này ban lãnh đạo Công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình nợ phải thu hay nợ phải trả như thế nào để từ đó đề ra những chính sách, giải pháp phù hợp, kịp thời.

Ví dụ 13: Hóa đơn GTGT 69168 ngày 15 tháng 12 năm 2009, Công ty bán lô quạt gió cho công ty NXK Trường Nguyên với tổng giá thanh toán là 14.712.500đ, VAT 10%. Công ty NXK Trường Nguyên chưa thanh toán tiền hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán phản ánh vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán (Biểu 3.6) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán (Biểu 3.7). Cụ thể như sau:

Biểu 3.6: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Mẫu số: S31-DN

Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

TK: 131

Đối tượng: Công ty XNK Trường Nguyên

Loại tiền : VND

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn được chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ			45.025.400			
									
15/12	HĐ69168	15/12	Bán lô quạt gió		511	13.375.000			
					3331	1.337.500			
			...						
			Cộng SPS trong kỳ			596.421.745	525.012.000		
			Số dư cuối kỳ					116.435.145	

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 3.7: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

(Từ ngày 1/10/2009 đến ngày 31/12/2009)

S tt	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	CT T/Nguyên	45.025.400		596.421.745	525.012.000	116.435.145	
2	DNChúc Môn	-		398.412.000	250.390.000	148.022.000	
3	CT ĐạiDương	235.000.548		4.012.240.968	3.985.000.658	262.240.858	
	...						
	Cộng	13.004.491.920		226.426.362.244	236.141.992.746	3.288.861.418	

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3.2.3.4 Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng

Để đảm bảo việc giao nhận chứng từ không xảy ra mất mát hoặc bỏ sót và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ thất lạc, khi bàn giao chứng từ giữa các phòng ban nên có biên bản bàn giao hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ.

Như vậy, khi không thấy chứng từ, các phòng ban có thể xem xét, kiểm tra, đối chiếu với sổ theo dõi chứng từ. Nhờ đó dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho người cụ thể.

KẾT LUẬN

Kế toán là một công cụ cực kỳ quan trọng trong quản lý kinh tế của doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp nắm bắt và theo kịp sự phát triển của thị trường. Với mỗi doanh nghiệp, mỗi loại hình kinh tế, kế toán đã và đang được hiện đại hoá từng bước để thúc đẩy sự phát triển trong nền kinh tế hiện đại.

Bởi vậy trong bối cảnh kinh tế hiện nay, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hóa trở thành mối quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng cũng đòi hỏi tổ chức một cách hoàn thiện.

Với kiến thức đã học với việc tiếp cận thực tế, em xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng. Vì thời gian thực tập có hạn, vốn kiến thức khoa học còn ít ỏi, nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Kính mong được sự góp ý của các thầy cô giáo, ban giám đốc cùng các cán bộ trong phòng kế toán Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn của cô giáo ThS.Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng, các cô chú, anh chị phòng kế toán tại Công ty CP công nghiệp điện Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Đỗ Thị Mai Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS. Võ Văn Công
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
6. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi
7. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS.TS Ngô Thế Chi